BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VINACONEX

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VINACONEX

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102647188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/02/2008, thay đổi lần 4 ngày 13/05/2010.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số 500/QĐ-SGDHN cấp ngày 28 tháng 07 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex

Địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Thời trang, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3556 2997 Fax: (04) 3556 2998

Website: http://Vinaconextrans.com

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán SME

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3-4, số 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 22205678 Fax: (84.4) 22205680

Website: www.smes.vn

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 11 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 7388/ 3914 7389 Fax: (84-8) 3914 7390

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Bùi Sỹ Ân** Chức vụ: Phụ trách Kế toán

Số điện thoại: (04) 3556 2997

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VINACONEX

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102647188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/02/2008, thay đổi lần 4 ngày 13/05/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	**:**	Cổ phiếu CTCP Vận tải Vinaconex
Loại cổ phiếu	**:**	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	**:**	10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết	**:**	11.007.183 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	**:**	110.071.830.000 đồng (*tính theo mệnh giá)*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, 165 Đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 6267 0491 Fax: (84.8) 6267 0494

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SME

- ***Trụ sở***

Địa chỉ: Tầng 3-4, 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 22205678 Fax: (84.4) 22205680

Email: smehn@smes.vn website: www.smes.vn

- ***Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh***

Địa chỉ: 11 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 7388/ 3914 7389 Fax: (84-8) 3914 7390

Email: smehcm@smes.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC **5**

CHƯƠNG I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **7**

1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 11
3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh 12
4. Rủi ro biến động giá chứng khoán 14
5. Rủi ro khác 15

CHƯƠNG II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **16**

1. Tổ chức niêm yết 16
2. Tổ chức tư vấn 16

CHƯƠNG III **17**

CÁC KHÁI NIỆM **17**

CHƯƠNG IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT **18**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 18
2 Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu bộ máy quản lý 21

2.1 Đại hội đồng cổ đông 22
2.2 Hội đồng quản trị 22
2.3 Ban Kiểm soát 22
2.4 Tổng Giám đốc 23
2.5 Các phòng nghiệp vụ bao gồm: 23

3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ 29

4 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết 31

5 Hoạt động kinh doanh 32
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất 41
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 43
8. Chính sách đối với người lao động 44
9. Chính sách cổ tức 45
10. Tình hình hoạt động tài chính 46
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 53
12. Tài sản 70
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 70

13.1. Kế hoạch sản xuất và phát triển của công ty năm 2010 70

13.2. Chi tiết kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012 71
13.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 72
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 74
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết 75
Không có 75
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết 75
Không có 75
CHƯƠNG V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 76
1. Loại chứng khoán 76
2. Mệnh giá 76
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 76
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết 76
5. Giá trị sổ sách của cổ phần 78
(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009) 78
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 78
7. Các loại thuế có liên quan 79
CHƯƠNG VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 80
PHỤ LỤC 81

CHƯƠNG I
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex (VINACONEX TRANS) là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng hóa. Địa bàn hoạt động của Công ty trên khắp cả nước. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô chính cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Tỷ lệ lạm phát và lãi suất tăng cao cùng với sự biến động lớn của tỷ giá trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của các doanh nghiệp.

Mặc dù khủng hoảng kinh tế toàn cầu có ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng của các nước đang phát triển như Việt Nam, theo đánh giá của Ngân hàng Hợp tác Quốc Tế Nhật Bản (JBIC), Việt Nam vẫn đứng thứ 3 về triển vọng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn trung hạn (xếp sau Trung Quốc và Ấn Độ và xếp trên Nga, Thái Lan, Brazil) với các lý do: là điểm đến đa dạng hóa đầu tư tốt, nguồn nhân công giá rẻ, khả năng phát triển của thị trường nội địa tốt, nguồn nhân lực có chất lượng cao và có nguồn cung cho ngành công nghiệp lắp ráp. Bên cạnh đó, sự phát triển kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đến nhiều ngành nghề, trong đó có lĩnh vực dịch vụ vận tải của Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex. Khi nền kinh tế tăng trưởng, nhu cầu vận chuyển lưu thông hàng hóa tăng lên, hoạt động kinh doanh của công ty có nhiều thuận lợi.

Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng nền kinh tế. Trong những năm qua, Việt Nam được coi là có nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, đặc biệt năm 2007 đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây với tốc độ tăng trưởng 8,44%. Bước sang năm 2008, Việt Nam chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn khiến chỉ số GDP tăng trưởng 6,18%. Năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, tổng sản phẩm trong nước tăng 5,32%

(Nguồn: Tổng Cục thống kê) . Khủng hoảng tài chính trong năm 2008, 2009 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường hàng hóa và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội khác của nước ta. Khủng hoảng kinh tế khiến cho nhiều công ty rơi vào tình trạng khó khăn việc sản xuất bị đình trệ chính điều này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã thực hiện tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng kinh tế. Công ty cũng thường xuyên liên hệ chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước để cùng nhau tính toán đưa ra các dự báo về nhu cầu dịch vụ vận tải trong năm tới, trong đó có tính đến tác động của khủng hoảng kinh tế.

Tăng trưởng kinh tế

Rủi ro tăng trưởng kinh tế là rủi ro khi tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung tác động đến tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng và kinh doanh bất động sản, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hay gây khó khăn trực tiếp hay gián tiếp cho các hoạt động của công ty.

Trong những năm vừa qua, Việt Nam luôn đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2000 - 2007 là 7,6% và đạt 8,44% trong năm 2007. Năm 2008, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6,23% tức là thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng của năm 2007; bước sang năm 2009 dù gặp khủng hoảng kinh tế nhưng tốc độ tăng trưởng GDP cả nước vẫn đạt khoảng 5,32%. Trong năm 2010, Chính phủ đang đặt mục tiêu đưa mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên khoảng 6,5%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng trên 6%; Chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động thì đây là một dấu hiệu tích cực.

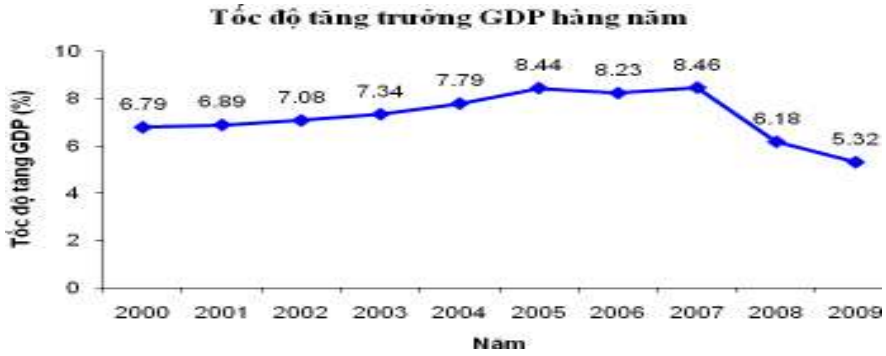

(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

Bên cạnh nhân tố tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát và lãi suất tăng cao cùng với sự biến động lớn của tỷ giá trong thời gian vừa qua cũng đã ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của các doanh nghiệp.

Lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro khi tỷ lệ lạm phát thay đổi tác động đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí vốn từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Do ngay từ đầu năm Chính phủ và các cấp, các ngành đã triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng ngừa tái lạm phát cao trở lại, khôi phục và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nhất là tập trung phát triển thị trường trong nước; chỉ đạo, điều hành tài chính, tiền tệ linh hoạt nên mức lạm phát năm 2009 không cao. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 tăng 6,88% so với bình quân năm 2008, là mức thấp nhất trong 6 năm trở lại đây (Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2004 tăng 7,71%; năm 2005 tăng 8,29%; năm 2006 tăng 7,48%; năm 2007 tăng 8,3%; năm 2008 tăng 22,97%). Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế nước ta vừa đạt mức tăng trưởng tương đối khá, vừa duy trì được mức độ lạm phát không cao, đây là thành công lớn trong chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô *(Nguồn: Tổng cục Thông kê)*.

Nếu như lạm phát hai con số của năm 2008 một phần do ảnh hưởng của việc thực hiện chính sách tiền tệ nhằm điều tiết nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài liên tục tăng trưởng qua các năm thì trong năm 2009, việc kiềm chế lạm phát được đặt lên là chỉ tiêu kinh tế vĩ mô được ưu tiên kiểm soát. Một loạt các biện pháp nhằm thực hiện một chính sách tiền tệ thắt chặt như tăng dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất cơ bản, bán trái phiếu bắt buộc để điều chỉnh cung tiền. Do đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào Việt Nam trong cả năm 2009 chỉ bằng 30% của năm 2008, đạt 21,48 tỷ USD nhưng vẫn là kết quả khá so với kế hoạch ban đầu chỉ là 20 tỷ USD do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Vốn thực hiện cũng đạt khá, ước đạt 10 tỷ USD, bằng 87% so với năm 2008 *(Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ KH-ĐT)*.

Song song với chính sách tiền tệ thắt chặt, Chính phủ cũng thực hiện cắt giảm và kiểm soát chi tiêu công một cách hiệu quả, giảm mạnh các chi phí hành chính trong các cơ quan nhà nước, loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả, nhưng vẫn tạo mọi điều kiện cho đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài để thúc đẩy tăng trưởng.

Tháng 12 năm 2009, lạm phát có xu hướng tăng trở lại nhưng chỉ là hiện tượng nhất thời do nhu cầu chi tiêu của người dân tăng cao vào dịp cuối năm. Trong thời gian tới, nguy cơ tái lạm phát có khả năng xảy ra nếu Ngân hàng Nhà nước không có biện pháp kiểm soát tốt hoạt động tín dụng và lượng tiền cung ứng. Để tránh rủi ro này, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan, phân tích, đánh giá khả năng lạm phát cao, để có chiến lược kinh doanh phù hợp.

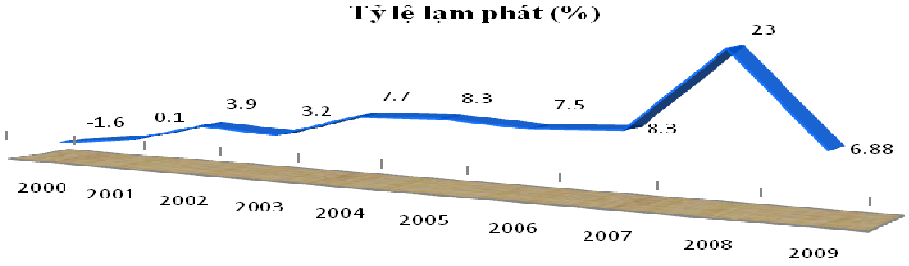

(Nguồn: ADB, Tổng Cục thống kê)

Lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của công ty do sự biến động của lãi suất. Với cơ cấu vốn trong đó vốn vay chiếm tỷ trọng lớn theo đó nếu lãi suất tăng làm tăng chi phí vốn của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giai đoạn 2006-2009 là thời kỳ đầy thách thức trong việc điều hành chính sách tiền tệ trong đó có chính sách lãi suất của Việt Nam. Năm 2008 đã chứng kiến diễn biến cực kỳ nóng bỏng và phức tạp trên thị trường tiền tệ. Trong bối cảnh lạm phát gia tăng, Ngân hàng Nhà nước trong khuôn khổ chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt của Chính phủ đã phải liên tục điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản và các loại lãi suất điều hành thị trường khác. Lãi suất cho vay trên thị trường có thời điểm tăng đến trên 20%. Sang đầu năm 2009, kinh tế lại rơi vào suy thoái, và Chính phủ đã phải áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ, trong đó có gói kích cầu bao gồm cả việc hỗ trợ lãi suất 4% cho các khoản vay ngắn hạn. Kinh tế đã phần nào phục hồi với

những giải pháp này. Tình hình thị trường tiền tệ đã có những biểu hiện tích cực và ổn định. Tuy nhiên, trong thời gian cuối năm 2009, lãi suất lại có biểu hiện tăng cao. Thị trường tiền tệ được cho là vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thời gian tới đây.

Sự thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp. Lãi suất tăng làm chi phí vay nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tăng, tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngược lại, lãi suất giảm làm giảm chi phí tài trợ cho các doanh nghiệp và do đó kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn. Để hạn chế rủi ro trên Công ty luôn theo sát diễn biến lãi suất thị trường và có cơ chế quản lý điều hành linh hoạt hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.

Tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá là rủi ro khi tỷ giá thay đổi sẽ ảnh hưởng đến giá của các tư liệu sản xuất nhập khẩu hoặc thực hiện cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa với các Công ty nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để giảm thiểu những rủi ro này Công ty luôn cập nhật liên tục tình hình tỷ giá hối đoái trên thị trường và tiến hành trích lập dự phòng trên nguyên tắc thận trọng trong trường hợp thanh toán bằng ngoại tệ.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty.

Hệ thống luật pháp có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Hiện tại Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật quy định về hoạt động của ngành vận tải,…Khi công ty tham gia niêm yết trên TTCK sẽ chịu sự tác động của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc niêm yết trên trị trường chứng khoán sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty nhưng cũng có nhiều mặt ảnh hưởng khác. Yêu cầu công khai hoá thông tin, tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán,... có thể làm gia tăng áp lực cạnh tranh và khối lượng công việc quản lý của Công ty. Ngoài ra, khi cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường tập trung, các thông tin liên quan đến mọi hoạt động của Công ty sẽ được đông đảo các nhà đầu tư quan tâm. Điều này cũng chứa đựng rủi ro liên quan đến mức độ xác thực của các thông tin;

trong trường hợp thông tin thất thiệt có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giao dịch cổ phiếu cũng như uy tín của Công ty trên thị trường.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh

Hoạt động của công ty hiện ở hai lĩnh vực chính là cung cấp dịch vụ vận tải biển và phân phối xi măng của nhà máy Xi măng Cẩm Phả. Cụ thể là đại lý phân phối xi măng toàn miền bắc chủ yếu cho các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex). Một số nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty như sau:

Biến động giá cả xăng dầu

Với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải, nhiên liệu đầu vào chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Từ đầu năm 2010 đến nay, giá cả nhiên liệu đầu vào biến động thất thường. Dự báo trong thời gian tới giá cả nhiên liệu đầu vào tiếp tục diễn biến phức tạp tạo ra rủi ro về chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận của Công ty.

Kết quả kinh doanh của công ty phụ thuộc lớn vào biến động giá cả xăng dầu nếu giá xăng dầu trong nước và thế giới biến động lớn sẽ ảnh hưởng đến các kế hoạch kinh doanh của Công ty. Nhận thức rõ giá nhiên liệu có tác động mạnh tới giá cước vận tải, từ đó ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty, VINACONEX – TRANS đã áp dụng những biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm cắt giảm chi phí nhiên liệu, cụ thể như tính toán, xây dựng định mức tiêu hao phù hợp hơn cho tàu, thực hiện kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng cuộc hành trình, so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nhiên liệu trong nước hoặc nước ngoài tùy từng thời kỳ sao cho giá nhiên liệu là hiệu quả nhất.

Cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế và suy giảm kinh tế trong nước

Khủng hoảng tài chính quốc tế và suy giảm kinh tế trong nước ảnh hưởng không tốt tới khả năng thanh khoản, hoạt động sản xuất, kết quả kinh doanh và ảnh hưởng một phần đến mạng lưới khách hàng, và các nhà cung cấp của công ty.

Kết quả là có thể dẫn tới suy giảm nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải, giảm giá đối với dịch vụ vận tải biển. Các khách hàng của công ty có thể cắt giảm đầu tư, dãn tiến độ sản xuất và đàm phán hợp đồng theo những điều khoản có lợi cho họ. Một số tổ chức cho vay hoặc đầu tư có thể giảm hoặc trong một vài trường hợp dừng cung cấp vốn. Những khó khăn của thị trường tín dụng cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các khách hàng của công ty, cụ thể là các khách hàng cá nhân, hoặc đến khả năng vay vốn thực hiện dự án kinh doanh và có thể dẫn tới chấm dứt, hoãn hoặc dừng thực hiện dự án, hoãn thanh toán từ phía khách hàng. Trong tương lai, khả năng mở rộng hoạt động hoạt động kinh doanh, mở rộng vay vốn có thể bị ảnh hưởng. Những tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng không tốt tới khả năng thanh khoản, hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty.

Cạnh tranh từ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải biển

Trên cả nước có khoảng 200 doanh nghiệp làm dịch vụ hàng hải, trong đó có khoảng 100 doanh nghiệp nhà nước, còn lại là doanh nghiệp tư nhân, hoạt động chủ yếu tại các trung tâm kinh tế và cảng biển lớn như Thành phố Hồ chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu và Quảng Ninh. Số lượng các doanh nghiệp gia nhập thị trường dịch vụ vận tải biển ngày càng tăng trong khi tốc độ phát triển của thị trường chỉ có một mức độ nhất định. Việt Nam đã gia nhập WTO tháng 11/2006 nên sức ép cạnh tranh sẽ còn lớn hơn nữa. Theo xu hướng toàn cầu hóa và Việt Nam tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, nhất là việc gia nhập AFTA, WTO sự cạnh tranh sẽ gia tăng khi các hãng tàu nước ngoài, các Công ty đại lý vận tải quốc tế lớn tham gia vào thị trường này.

Rủi ro thanh khoản

Do yêu cầu thanh toán nợ hoặc tăng nguồn vốn cho các dự án đầu tư mới, công ty có thể gặp khó khăn trong vấn đề thanh khoản.

Những nguồn thu dự tính tăng tính thanh khoản bao gồm nguồn thu tiền mặt từ hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm nguồn thu vận tải biển và bán xi măng, từ các hoạt động đầu tư như nguồn thu lãi tiền gửi, cổ tức và từ hoạt động đầu tư tài chính như thu từ đầu tư chứng khoán, nhận vốn góp của chủ sở hữu và tiền vay để tài trợ cho các dự án. Công ty cũng có thể gặp khó khăn thanh khoản nếu những nguồn thu trên không thực hiện như dự kiến.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro xảy ra khi các khoản vay đến hạn mà công ty không thu xếp được nguồn để hoàn trả.

Do đặc điểm của loại hình kinh doanh của Công ty mang tính thời điểm, nhu cầu vốn cần huy động tại một số thời điểm có thể ở mức rất cao làm tăng tỉ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu. Trong khi đó, công ty cũng phát sinh các khoản phải thu khách hàng, ứng trước cho người bán. Trong trường hợp khi các khoản vay đến hạn mà công ty không thu xếp được nguồn để hoàn trả, công ty có thể gặp rủi ro tín dụng.

4. Rủi ro biến động giá chứng khoán

Việc Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của Công ty cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu trên thị trường và chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố: tình hình hoạt động của Công ty; yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội; những thay đổi quy định Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán của các công ty….Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động lớn và ảnh hưởng đến hình ảnh, giá trị của Công ty cũng như tâm lý của cán bộ, công nhân viên; hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro tuân thủ quy định của pháp luật

Tính đến thời điểm lập bản cáo bạch vốn thực góp của Công ty là 110.071.183.000 đồng, trong đó các Cổ đông sáng lập của Công ty mới chỉ góp 90.071.183.000 đồng. Trong khi đó vốn đăng ký góp theo Giấy ĐKKD của Cổ đông sáng lập là 160.000.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập cam kết sẽ góp đủ số vốn góp còn thiếu là 69.928.817.000 đồng theo cam kết góp vốn.. Trường hợp giá trị cổ phiếu của Công ty tăng cao hơn giá trị mệnh giá góp vốn của các cổ đông sáng lập, cổ đông sáng lập sẽ có lãi chênh lệch từ giá trị góp vốn và thị giá cổ phiếu niêm yết trên thị trường. Tuy nhiên nếu giá trị cổ phiếu của Công ty giảm giá thấp hơn giá trị mệnh giá góp vốn điều này sẽ làm cho các cổ đông sáng lập bị thiệt hại không nhỏ. Ngoài ra việc góp vốn sau ngày cổ phiếu lên sàn sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu tỉ suất thu nhập trên cổ phần(EPS) và các chỉ tiêu tài chính liên quan khác. Để hạn chế rủi ro trên, Công ty yêu cầu

các cổ đông sáng lập phải góp vốn theo đúng quy định của Pháp luật về chứng khoán và lộ trình góp vốn đã cam kết. Ngoài ra Công ty sẽ xin ý kiến cổ đông về việc góp vốn của các cổ đông sáng lập tại thời điểm các cổ đông sáng lập đăng ký góp vốn bổ sung nhằm tránh các thiệt hại do pha loãng cổ phiếu và những ảnh hưởng không có lợi khác cho các cổ đông hiện hữu.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh … do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, không nằm trong tầm kiểm soát của công ty. Nếu các rủi ro này xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, còn người và hoạt động chung của Công ty. Ngoài ra, do đặc thù hoạt động lĩnh vực vận tải nên Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex còn gặp một số rủi ro khác như rủi ro lãi suất, rủi ro bảo hiểm…

CHƯƠNG II:
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex

Ông **Hoàng Anh Tuấn** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Nguyễn Thái Hà** – Tổng Giám đốc

Ông **Phạm Như Hà** – Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán SME

Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** – Phó Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SMES) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex cung cấp.

CHƯƠNG III
CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
Công ty	: Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex
VINACONEX TRANS	: Tên viết tắt của Công ty
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
Cổ phiếu	: Cổ phiếu của VINACONEX TRANS
Điều lệ	: Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex
CBCNV	: Cán bộ - Công nhân viên VINACONEX TRANS
Tổ chức đăng ký niêm yết	: Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex
Tổ chức tư vấn niêm yết	: Công ty Cổ phần Chứng khoán SME
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
BKS	: Ban kiểm soát
BGĐ	: Ban giám đốc
KTT	: Kế toán trưởng
VND	: Đồng Việt Nam
Vốn CSH	: Vốn chủ sở hữu
VĐL	: Vốn điều lệ
USD	: Đô la Mỹ
TNDN	: (thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNCN	: (thuế) Thu nhập Cá nhân
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
ĐVT	: Đơn vị tính
BCTC	: Báo cáo tài chính

CHƯƠNG IV:
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết

Tên tổ chức:	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VINACONEX**
Tên giao dịch quốc tế	:	**VINACONEX TRASPORTATION JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt	:	**VINACONEX TRANS.,JSC**
Trụ sở chính	:	Tòa nhà Trung tâm Thời trang, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, TP Hà Nội
Điện thoại	:	(04) 3556 2997
Fax	:	(04) 3556 2998
Website	:	http://www.vinaconextrans.com
Logo	:	
Vốn điều lệ đăng ký	:	**200.000.000.000 đồng** *(Hai trăm tỷ đồng chẵn)*
Vốn điều lệ thực góp	:	**110.071.830.000 đồng** *(Một trăm mười tỷ không trăm bảy mươi mốt triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng chẵn)*
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102647188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 05 năm 2010
Mã số thuế	:	0102647188
Tài khoản	:	22210000007558 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Hà Nội

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102647188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/02/2008, thay đổi lần 4 ngày 13/05/2010, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa, các loại cấu kiện siêu trường siêu trọng bằng đường bộ, đường sông và đường biển;
- Bốc xếp hàng hóa thủy bộ;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex (VINACONEX TRANS) là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) được thành lập ngày 20 tháng 02 năm 2008 với mục đích cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa, nguyên vật liệu cho các đơn vị thành viên trong Tông Công ty Vinaconex. Ngoài ra Công ty còn làm đại lý phân phối xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Tuy là Doanh nghiệp mới thành lập còn non trẻ nhưng được sự quan tâm và điều hành trực tiếp của Tổng Công ty, cũng như đội ngũ Ban Lãnh đạo có năng lực và nhiệt huyết với Công ty, bước đầu Công ty cũng đã đạt những thành tích khả quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc vận chuyển nguyên vật liệu cho Công ty Xi măng Cẩm Phả là tương đối ổn định cùng với việc khai thác vận chuyển các nguồn hàng khác là những hướng đi mới của Công ty đem lại nguồn thu ổn định…

Căn cứ vào công văn số 1461/2009/VC-TKTH và công văn số 4090/2009/VC-TKTH về việc góp vốn của Công ty Xi măng Cẩm Phả theo đó Công ty Xi măng Cẩm Phả nắm 55% vốn điều lệ Công ty.

Qua hơn 03 năm hoạt động và trưởng thành, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex đã không ngừng hoàn thiện bộ máy tổ chức và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, từng bước tạo được uy tín với bạn hàng trong và ngoài nước.

Phát huy tính năng động sáng tạo, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát chiến lược phát triển, đồng thời coi trọng công tác xây dựng nội bộ vững mạnh. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty luôn được chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng giáo dục để nâng cao năng lực hoàn thành nhiệm vụ và được chăm sóc như tài sản quý giá nhất, nhân tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển và thịnh vượng của VINACONEX TRANS.

Với sự quan tâm của các cấp, sự ủng hộ của các đối tác và sự phấn đấu không ngừng, chắc chắn VINACONEX TRANS sẽ xứng đáng là thương hiệu mạnh để các đối tác yên tâm gửi gắm niềm tin và hợp tác lâu dài có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động.

Quá trình tăng vốn điều lệ

- Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2010 ngày 09 tháng 02 năm 2010.
- Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ. Nội dung cụ thể như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính: đồng

Thời gian	Vốn thực góp (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Giá trị tăng thêm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Mới thành lập (20/02/2008) Vốn góp đăng ký theo đăng ký kinh doanh. Vốn đăng ký góp theo thời hạn của cổ đông sáng lập.		200.000.000.000 160.000.000.000		Các cổ đông sáng lập đăng ký góp 160.000.000.000 đồng.
Lần 1 Phát hành riêng lẻ 02/2010 (Theo NQ ĐHĐCĐ bất thường ngày 09/02/2010).	90.071.830.000	110.071.830.000	20.000.000.000	- Phát hành cho CBCNV: 500.000 cổ phần, tương đương 5.000.000.000 đồng theo mệnh giá - Phát hành cho đối tác bên ngoài: 1.500.000 cổ phần, tương đương 15.000.000.000 đồng theo mệnh giá

(Nguồn: Báo cáo quá trình tăng vốn điều lệ Công ty VINACONEX TRANS)

Kể từ khi thành lập chuyển sang Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102647188 ngày 20 tháng 02 năm 2008 (đăng ký lần đầu), Công ty mới duy nhất một lần tăng vốn điều lệ thực góp từ 90,071 tỷ đồng lên 110,071 tỷ đồng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2010/ĐHĐCĐ ngày 09/02/2010.

2. Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty VINACONEX TRANS được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông thông qua.

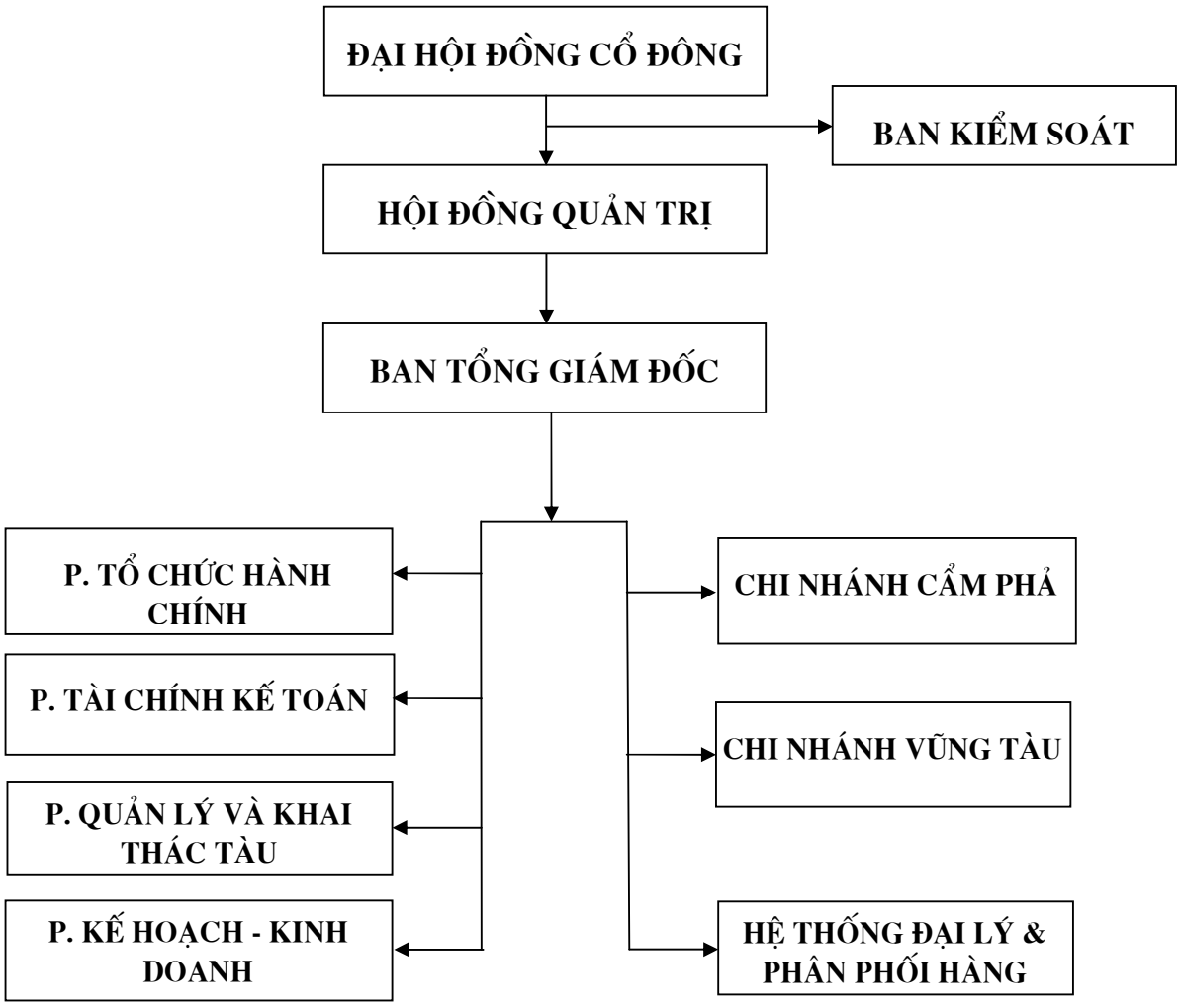

2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính sau:

- Thông qua báo cáo tổng kết năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Kiểm toán.
- Quyết định phương hướng nhiệm vụ phát triển của Công ty và kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.
- Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát khi hết nhiệm kỳ.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.
- Và các nhiệm vụ khác theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.2 Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc về thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty hiện gồm 5 thành viên, có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

2.3 Ban Kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm 3 thành viên và cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.4 Tổng Giám đốc

Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao; giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Các phòng nghiệp vụ

Các phòng ban của Công ty là các đơn vị làm chức năng tham mưu chuyên môn, giúp Tổng Giám đốc điều hành trong việc tổ chức quản lý, thi hành các chế độ chính sách, các chỉ thị của cấp trên nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, đồng thời đảm bảo cho đời sống vật chất - tinh thần của Cán bộ Công nhân viên toàn Công ty được đảm bảo.

2.5 Các phòng nghiệp vụ bao gồm:

2.5.1. Phòng tổ chức hành chính

- ***Chức năng***

- Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong công tác tổ chức, xây dựng, kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty; tổng hợp, đề xuất và tổ chức thực hiện công tác quản lý cán bộ và triển khai thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước
- Thực hiện và quản lý toàn bộ các công tác hành chính tại Công ty theo quy định chung về quản lý hành chính của Nhà nước và của Công ty.
- Thực hiện Công tác tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực của Công ty
- Quản lý việc sử dụng tài sản hiện có của Công ty bao gồm: Nhà cửa, đất đai, xe máy, phương tiện, dụng cụ, thiết bị văn phòng...đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện công việc giao dịch hàng ngày, phục vụ tiếp khách, Hội nghị, Hội thảo, Chuyên đề, Sơ kết, Tổng kết, ... của Công ty; thực hiện và theo dõi việc thực hiện các quy định, chính sách của cơ quan Pháp luật về nhân sự, trật tự, an ninh xã hội, các nghĩa vụ công dân đối với cơ quan chính quyền sở tại của các cán bộ nhân viên Công ty.
- Thực hiện công tác quản trị hậu cần , duy tu sửa chữa các trang thiết bị của công ty.
- Theo dõi, đôn đốc các phòng, ban, bộ phận thực hiện nhiệm vụ chung của Công ty theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

- ***Nhiệm vụ***

- Đề xuất bộ máy, thành lập, giải thể, sáp nhập các bộ phận của Công ty
- Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, cách thức làm việc của các phòng ban
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ hàng năm
- Quản lý cán bộ đi học, công tác nước ngoài theo đúng văn bản hướng dẫn của Công ty
- Quản lý lao động, theo dõi giám sát việc thực hiện chế độ làm việc theo Nội quy lao động của Công ty.
- Triển khai thực hiện đúng các quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm, phụ cấp cho cán bộ nhân viên Công ty.
- Quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên Công ty theo đúng quy định. Định kỳ cấp nhật các thông tin cá nhân của CBCNV Công ty.

Trong công tác hành chính

- Sao chụp và phát hành tài liệu phục vụ nội bộ và đối ngoại của Công ty đảm bảo tính chính xác, bảo mật.
- Tiếp nhận, xử lý và lữu trữ công văn đi, đến theo quy trình ; thực hiện công tác quản lý con dấu, Công tác văn thư; cấp giấy giới thiệu, giấy đi đường theo quy định.
- Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng
- Theo dõi, tổng hợp số liệu, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.
- Quản lý sử dụng điện thoại, máy Fax, máy photocopy . . . .đảm bảo đúng quy định của Công ty.
- Thực hiện công tác lễ tân: đón tiếp, theo dõi, hướng dẫn khách đến cơ quan làm việc. Phục vụ khách theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.
- Theo dõi cập nhật số liệu lao động xuất khẩu theo Hợp đồng
- Làm thủ tục xuất nhập cảnh cho cán bộ Công ty đi công tác nước ngoài
- Đăng ký với Cục quản lý lao động ngoài nước các Hợp đồng cung cấp lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Công tác hậu cần

- Quản lý và theo dõi việc sử dụng nhà ở, nhà làm việc, máy móc, thiết bị văn phòng và các tài sản cố định khác làm cơ sở cho việc thanh toán và khấu hao tài sản hàng năm, đồng thời có kế hoạch sửa chữa, bảo hành, nâng cấp các tài sản này.

- Lập và trình Giám đốc phê duyệt kế hoạch mua sắm, trang bị các thiết bị và phương tiện làm việc: bàn ghế, dụng cụ văn phòng... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời có kế hoạch sửa chữa, thanh lý thay thế các dụng cụ hỏng để nâng cao chất lượng phục vụ, cải thiện điều kiện làm việc trong Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra phòng cháy chữa cháy... đảm bảo an toàn về người và tài sản.
- Thực hiện vệ sinh, quét dọn lau chùi sạch sẽ hàng ngày những nơi công cộng trong khuôn viên Công ty, khu vực vệ sinh, phòng họp, phòng làm việc của Lãnh đạo và các phòng, ban; giữ gìn cảnh quan môi trường cơ quan Công ty luôn luôn xanh, sạch, đẹp.
- Thực hiện phục vụ tiếp khách hàng ngày của Công ty, phục vụ Hội nghị hội thảo, sơ kết, tổng kết. . . của Công ty.
- Quản lý phương tiện đi lại, phân công lái xe đưa đón cán bộ trong cơ quan đi công tác đảm bảo kịp thời, an toàn và tiết kiệm, đạt hiệu quả công việc cao.
- Thực hiện các công việc hiếu, hỷ của Công ty.
- Các công việc khác được lãnh đạo Công ty giao trong lĩnh vực này.

Công tác Thi đua - Khen thưởng

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc phát động, theo dõi, tổng kết, khen thưởng phong trào thi đua góp phần thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị
- Quản lý và thực hiện công tác khen thưởng định kỳ, khen thưởng hàng năm các danh hiệu thi đua : Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Cờ thi đua,Bằng khen, Huân huy chương, ... theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên
- Các công việc khác được lãnh đạo Công ty giao trong lĩnh vực này

Trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Quản lý các thiết bị thông tin, tin học phục vụ công việc của Công ty
- Quản trị kỹ thuật Website, trực tiếp phụ trách chuyên mục tin tức sự kiện trên website Công ty.
- Các công việc khác được lãnh đạo Công ty giao trong lĩnh vực này.

Quan hệ cổ đông

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến định hướng, chiến lược về quan hệ cổ đông cũng như dự kiến ngân sách cho hoạt động quan hệ cổ đông của Công ty
- Phối hợp với các Phòng, ban có liên quan của Công ty trong việc xây dựng các quy chế nội bộ của Công ty liên quan đến việc cung cấp và công bố thông tin về tình hình hoạt

động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cũng như các thông tin khác có liên quan theo quy định của pháp luật

- Phối hợp với các Phòng, ban liên quan của Công ty trong việc xây dựng tài liệu công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị của Công ty cho cổ đông.
- Phối hợp với các Phòng, ban liên quan của Công ty trong việc đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2.5.2. Phòng Tài chính – Kế toán

Chức năng

- Tạo lập các nguồn vốn phục vụ cho sự nghiệp đầu tư phát triển và thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.
- Đề xuất phương án phân phối kết quả sản xuất kinh doanh theo chế độ tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ đối với mọi hoạt động tài chính kế toán của công ty.
- Lập các báo cáo tài chính - kế toán phục vụ cho công tác quản lý của nhà nước và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức quản lý, theo dõi hoạt động tài chính kế toán ở các công ty con.
- Phối hợp với các Phòng ban khác trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và tham gia quản lý đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính - kế toán trong Công ty.

Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm về các chỉ tiêu tài chính phù hợp với chiến lược và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo từng thời kỳ của Công ty;
- Tham gia ý kiến các dự án đầu tư của Công ty trong phạm vi nghiệp vụ của Phòng;
- Chuẩn bị và thực hiện tạo lập các nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách, các quỹ của đơn vị, vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính ở trong nước để phục vụ cho hoạt động đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán sản xuất kinh doanh tại Công ty, tổng hợp báo cáo tài chính các dự án đầu tư của Công ty, tổng hợp báo cáo tài chính của các công ty con;
- Kiểm tra, kiểm soát, phân tích tình hình tài chính ở các Công ty con, thực hiện công tác kiểm toán nội bộ ở các đơn vị này;

- Lập các báo cáo tài chính, tham gia lập các báo cáo thống kê tương ứng với phạm vi quản lý của Công ty;
- Tham gia xây dựng và đề xuất kế hoạch tài chính hàng năm của các công ty con và Trường Trung cấp nghề trực thuộc Công ty;
- Đề xuất phương án tổ chức bộ máy kế toán của Công ty, phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ tài chính, kế toán nòng cốt của các Công ty con, Trường Trung cấp nghề trực thuộc Công ty;
- Chủ trì hoặc phối hợp với các phòng ban có liên quan của Công ty tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra về công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng và các lĩnh vực khác tại các công ty con, Trường Trung cấp nghề trực thuộc Công ty khi có quyết định của lãnh đạo Công ty;
- Chủ trì hoặc tham gia cùng các phòng ban Cơ quan Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng, kinh doanh xuất nhập khẩu, xuất khẩu lao động...;
- Các nhiệm vụ khác theo phân công của lãnh đạo Công ty.

2.5.3. Quản lý và Khai thác tàu

Chức năng

Phòng Quản lý và khai thác tàu có chức năng tham mưu, giúp cho Tổng Giám đốc trong công việc khai thác và thương vụ tàu nhằm kinh doanh đội tàu theo kế hoạch của Công ty. Đồng thời, thừa lệnh Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của đội tàu được giao theo đúng quy định của Công ty.

Nhiệm vụ

- Tổ chức tìm hiểu thị trường vận tải để thiết lập hệ thống nguồn hàng ở trong và ngoài nước cho đội tàu, làm căn cứ lập kế hoạch khai tàu có hiệu quả cao nhất. Đồng thời phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình khai thác tàu để điều chỉnh kế hoạch và áp dụng các biện pháp khai thác phù hợp nhằm thực hiện được kế hoạch khai thác kinh doanh đội tàu mà Tổng Giám đốc giao;
- Tổ chức việc đàm phám, ký kết, theo dõi, thực hiện các hợp đồng vận tải, hợp đồng thuê và cho thuê tàu của đội tàu được giao có hiệu quả cao nhất;
- Thực hiện việc thu cước vận tải, tiền thưởng phạt, thuê tàu đúng hợp đồng đã ký kết và thanh lý hợp đồng;
- Tổ chức thực hiện cho thuê tàu của Công ty; thuê tàu khai thác, môi giới hàng hóa một cách hợp lý, linh hoạt và hiệu quả theo đặc điểm của Công ty trong thời kỳ;

- Hoàn chỉnh các hồ sơ để giải quyết các vụ tranh chấp về hợp đồng vận tải, thuê và cho thuê tàu, đồng thời làm việc với chủ hàng, chủ tàu nhằm bảo vệ quyền lợi của Công ty;
- Thông tin kịp thời những nội dung có liên quan đến việc tổ chức thực hiện khai thác đội tàu được giao. Trực tiếp quản lý, xác nhận những công việc thuyền viên làm ngoài chức trach phục vụ khai thác tàu để thanh toán cho thuyền viên;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

2.5.4. Phòng Kế hoạch – Kinh doanh

Chức năng

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công việc thuộc các lĩnh vực kế hoạch, kinh doanh, tiếp thị, quảng cáo và ứng dụng công nghệ thông tin, cụ thể như sau:

- Hàng năm trên cơ sở nhiệm vụ của Công ty giao, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty;
- Cân đối kế hoạch để giao cho các phòng, ban trong Công ty thực hiện đảm bảo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị;
- Điều phối sản xuất kinh doanh chung để có hiệu quả kinh tế nhất;
- Theo dõi, đôn đốc và tạo điều kiện cho các phòng, ban, các đơn vị thành viên thực hiện kế hoạch được giao đúng tiến độ, đạt hiệu quả kinh tế;
- Thương thảo để ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị (khi cần thiết) đảm bảo đúng theo quy định của Pháp luật; Lập hồ sơ thanh lý hợp đồng khi công việc hoàn thành;
- Làm các thủ tục để mua thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và giao cho các đơn vị trong Công ty quản lý sử dụng;
- Tham mưu cho Lãnh đạo điều chuyển và giao tài sản cho các đơn vị thành viên quản lý theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị để phục vụ sản xuất đảm bảo có hiệu quả;
- Theo dõi quản lý tài sản cố định theo quy định hiện hành;
- Lập thủ tục xin phép chuẩn bị đầu tư; Giải quyết các thủ tục pháp lý có liên quan tới sản xuất kinh doanh, đất đai, xây dựng... trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện các Dự án mới của Công ty.

Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch kinh doanh hàng năm, hàng quý của Công ty;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty giao chỉ tiêu kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Công ty. Theo dõi, thúc đẩy tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và chương trình công tác của Công ty và của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Tổng hợp, phân tích và lập báo cáo tình hình hoạt động và tình hình kinh doanh tháng, quí, 6 tháng, cả năm và theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Lập các báo cáo về tình hình hoạt động và kinh doanh theo yêu cầu của cấp trên;
- Thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin thị trường; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tiếp thị, quảng cáo của Công ty;
- Quản lý hệ thống máy vi tính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về các hoạt động kinh doanh toàn Công ty và trực tiếp tổ chức kinh doanh trên thị trường để thực hiện kế hoạch của công ty. Đảm bảo các nhiệm vụ kinh tế, việc làm, chi phí đời sống của CBCNV khối Văn phòng, các đơn vị phụ thuộc Công ty bằng hiệu quả kinh doanh.

Các chi nhánh của Công ty

Hiện tại Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ xin giấy phép thành lập chi nhánh tại Quảng Ninh và Vũng Tàu cũng như tìm địa điểm đặt văn phòng làm việc của chi nhánh. Dự kiến chi nhánh sẽ chính thức đi vào hoạt động vào khoảng tháng 10 năm 2010.

2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 27/05/2010

STT	Tên cổ đông	Số GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	1.000.000	9,08
2	Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Vĩnh Phước	0200410331	Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	1.000.000	9,08
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	0106000160	Số 2 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.000.000	9,08

5	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	2203001338	Địa chỉ: Km6 - Quốc lộ 18A Cẩm Thạch - Cẩm Phả - Quảng Ninh	5.507.183	50,04
Tổng cộng				**8.507.183**	**77,28**

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 27/05/2010)

Bảng 3: Các cổ đông sáng lập theo GCNĐKKD thay đổi lần thứ 4 ngày 13/5/2010

STT	Tên cổ đông	Số GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1	Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	1.000.000
2	Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Vĩnh Phước	0200410331	Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	2.000.000
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	0103015182	Tầng 3-4 39A Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.000.000
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	0106000160	Số 2 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.000.000
5	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	2203001338	Địa chỉ: Km6 - Quốc lộ 18A Cẩm Thạch - Cẩm Phả - Quảng Ninh	11.000.000
Tổng cộng				**1.600.000**

(Nguồn: GCNĐKKD thay đổi lần thứ 4 ngày 13/05/2010)

Bảng 4: Các cổ đông sáng lập theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/5/2010

STT	Tên cổ đông	Số GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1	Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	1.000.000
2	Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Vĩnh Phước	0200410331	Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	1.000.000
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	0103015182	Tầng 3-4 39A Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	500.000
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	0106000160	Số 2 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.000.000

5	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	2203001338	Địa chỉ: Km6 - Quốc lộ 18A Cẩm Thạch - Cẩm Phả - Quảng Ninh	5.507.183
Tổng cộng				**9.007.183**

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/05/2010)

Theo Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005 theo đó các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ số lượng cổ phần của mình trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, theo đó Số lượng cổ phần của Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng kể từ ngày 20/02/2008 đến 20/02/2011.

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 27/05/2010

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	% vốn điều lệ
I.	**Trong nước**	**114**	**11.007.183**	**110.071.830.000**	**100,00**
1	Tổ chức	06	9.007.183	90.071.832.230	81,83
2	Cá nhân	108	2.000.000	20.000.000.000	18,17
II	**Nước ngoài**	**0**	-	-	-
1	Tổ chức	0	-	-	-
2	Cá nhân	0	-	-	-
Tổng cộng			**11.007.183**	**110.071.830.000**	**100,00**

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 27/05/2010)

3 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Danh sách công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết:

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả hiện nắm giữ 50,04% Vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex.

Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả

Địa chỉ: Km6, Quốc lộ 18A, Phường Cẩm Thạch, Thị xã Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh;

Điện thoại: (84-33) 3 721996 / 3 721995

Fax: (84-33) 3 714 605

Website: www.camphacement.vn

4 Hoạt động kinh doanh

Sản phẩm & dịch vụ chính của Công ty gồm: Dịch vụ vận chuyển đường biển và phân phối xi măng.

Dịch vụ vận chuyển đường biển

Ngay từ khi mới thành lập Mục tiêu hoạt động lâu dài của Công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy và các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với pháp luật. Tuy nhiên, trong các năm gần đây, khi mà tình hình thế giới có nhiều biến động đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nước ta nói chung, và của công ty nói riêng. Đứng trước tình hình khó khăn đó, dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban Lãnh đạo và sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex đã dần dần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cụ thể, trong năm 2009, Công ty đã thực hiện xong dự án mua tàu Yakumo nay đổi tên thành Vinaconex lines trọng tải 15.500DT chở Clinker để phục vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả. Tính đến 31/12/2009, công ty đã vận chuyển 02 chuyến nội địa và 04 chuyến quốc tế, khối lượng vận chuyển Clinker đạt khoảng 70.300 tấn. Trong thời gian tới, Công ty dự định sẽ tiếp tục đầu tư thêm 01 tàu trọng tải khoảng 15.500 DWT.

Hiện tại, Công ty đang có chủ trương tìm kiếm những hợp đồng vận chuyển lớn nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa về con tàu Vinaconex lines.

Ngoài việc vận chuyển Clinker, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex còn là một trong những đại lý phân phối hàng đầu của công ty Xi măng Cẩm Phả trên thị trường miền Bắc.

Dịch vụ phân phối xi măng

Là một trong những đại lý phân phối hàng đầu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trên thị trường miền Bắc, khả năng phân phối xi măng được sự hỗ trợ rất nhiều từ Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với việc Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả nắm 50,04% vốn điều lệ của Công ty do đó rất thuận lợi cho Công ty, khả năng phân phối có thể còn lớn hơn nữa. Hiện tại Công ty đang tìm kiếm nguồn đầu ra cho sản phẩm xi măng không chỉ ở Miền Bắc mà trên khắp cả nước.

5.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 6: Doanh thu dịch vụ qua các năm 2008-2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Sản phẩm/dịch vụ	Năm 2008 (Từ 20/2/2008 đến 31/12/2008)		Năm 2009		%Tăng/giảm
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng	6.609	25,49%	47.914	71,20%	624,98%
Dịch vụ vận chuyển Clinker	19.320	74,51%	14.864	22,08%	-23,06%
Dịch vụ vận tải biển quốc tế	-	0%	4.523	6,72%	100%
Tổng Doanh thu	**25.929**	100%	**67.301**	100%	159,552%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2008, 2009)

Theo **Bảng 5** doanh thu bán hàng năm 2009 chủ yếu là phân phối xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, chiếm 71,20% tổng giá trị khoản mục doanh thu. Doanh thu dịch vụ vận chuyển Clinker năm 2009 giảm 23,06% so với năm 2008 chủ yếu là do năm 2009 nhu cầu sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả không ổn định dẫn đến việc vận chuyển nguồn nguyên liệu cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả giảm sút đáng kể, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

Doanh thu năm 2009 có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2008. Trong đó:

- ***Doanh thu bán hàng***

Với sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, mặc dù ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 - 2009 vẫn còn nhưng Công ty vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu vượt chỉ tiêu đặt ra. Cụ thể, doanh thu bán xi măng năm 2009 tăng 624,98% từ 6,6 tỷ đồng năm 2008 lên 47,9 tỷ đồng.

➢ ***Dịch vụ vận chuyển Clinker***

Năm 2009 khủng hoảng tài chính vẫn còn làm cho nhu cầu sử dụng nguyên liệu Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả không ổn định, chính điều này đã ảnh hưởng đến việc vận chuyển Clinker. Cụ thể, doanh thu năm 2009 giảm 23,06% so với năm 2008.

➢ ***Dịch vụ vận chuyển biển Quốc tế***

Với việc khai thác hết năng lực hoạt động của con tàu Vinaconex lines, Công ty đã tìm kiếm các hợp đồng vận chuyển trong và ngoài nước. Ngay sau khi đưa con tàu Vinaconex lines vào hoạt động Công ty đã có được những hợp đồng vận chuyển với giá trị lớn. Đây được dự kiến là nguồn thu chủ yếu cho Công ty trong tương lai.

Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh thu năm 2008

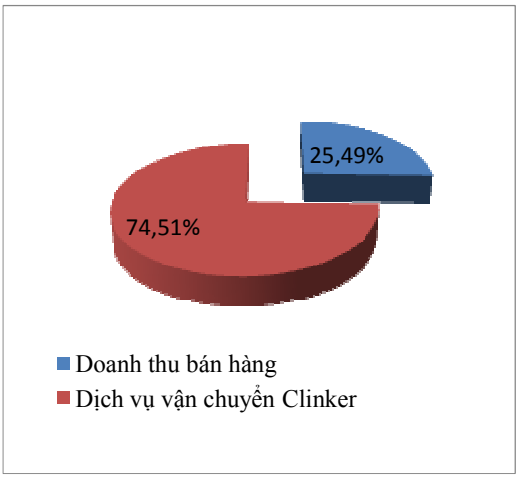

Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh thu năm 2009

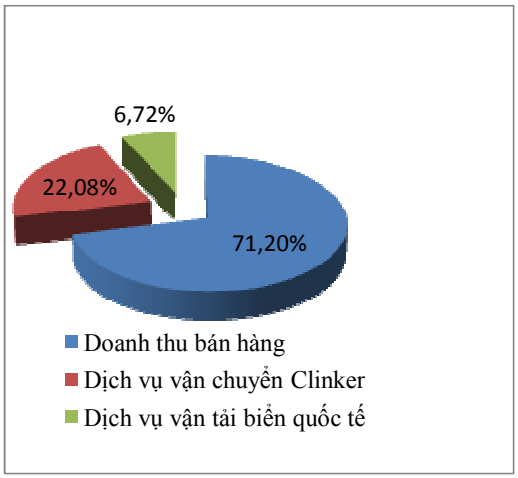

Biểu đồ 3: Tăng trưởng doanh thu năm 2008, 2009

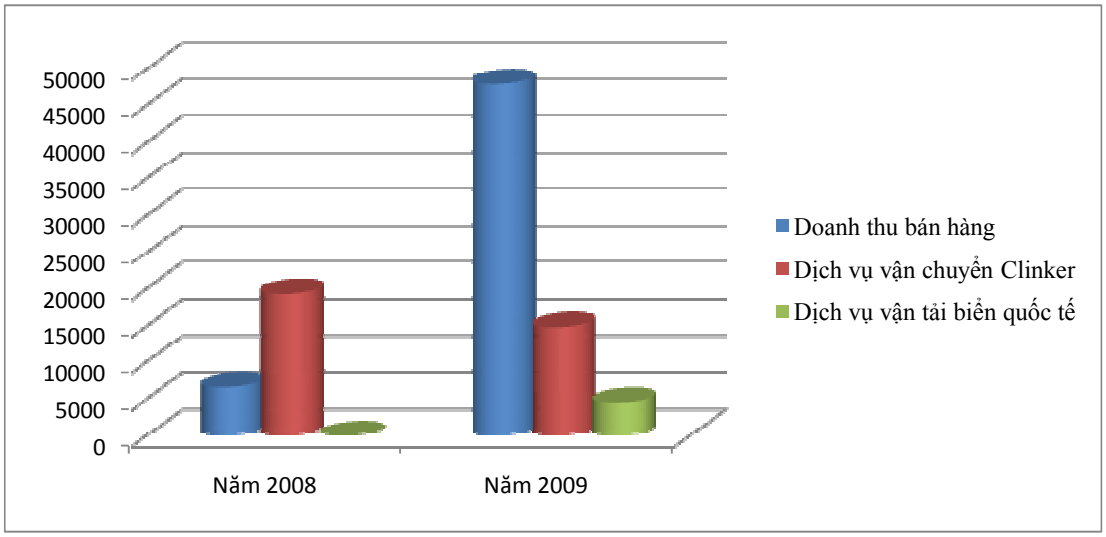

Tóm tắt quy trình khai thác tàu của Công ty

Nhằm khai thác hiệu quả hoạt động của tàu Vinaconex lines, Công ty đã xây dựng quy trình khai thác tàu thực hiện thông qua các bước sau:

1. Xác định nguồn hàng: Việc xác định nguồn hàng thực hiện thông qua một trong các đối tác sau:
   - Tiếp xúc trực tiếp với chủ hàng (Cargo owners)
   - Thông qua nhà môi giới hàng hoá (Cargo Brokers)
   - Thông qua các Công ty giao nhận (Freight Forwarders)
2. Tính toán hiệu quả: Căn cứ vào các yêu cầu về hàng hoá, tuyến hoạt động, phương tiện dự kiến tham gia vận tải, thuyền viên… để tính toán hiệu quả theo phương án khai thác. Trong tính toán sẽ đưa ra mức cước hoà vốn và các lợi nhuận định mức để làm cơ sở đàm phán ký kết hợp đồng.
3. Đàm phán các điều khoản hợp đồng: Sau khi xác định được nguồn hàng và các yêu cầu kèm theo, tuỳ theo từng đối tác, việc đàm phán được tiến hành dựa trên các mẫu hợp đồng chuẩn. Các hình thức hợp đồng bao gồm: Hợp đồng chuyến (Voyage Charters), Hợp đồng định hạn (Time Charters) và hợp đồng thuê tàu trần (Bareboat Charters).

   Tuỳ theo từng hợp đồng, việc đàm phán có nhiều điểm khác nhau nhưng các điều khoản đàm phán chủ yếu tập trung vào giá cước, phí môi giới (nếu có) và phương thức giao nhận hàng hoá.
4. Bố trí phương tiện: Phương tiện được bố trí phải đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan. Ngoài ra phương tiện còn phải đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng phương tiện (thường là tuổi tàu), trọng tải, mớn nước, thuyền viên.
5. Điều độ tàu: Căn cứ vào các điều khoản hợp đồng và thông tin về hàng hoá, tàu sẽ được điều động một cách phù hợp để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng. Mọi thông tin về hoạt động hàng ngày của tàu sẽ được cập nhật 24/24 thông qua các thiết bị thông tin liên lạc. Tất cả các thông tin về hoạt động của tàu sẽ được kiểm soát, điều chỉnh và cập nhật cho người thuê tàu/chủ hàng và các bên liên quan theo yêu cầu của Người thuê tàu.
6. Theo dõi việc thực hiện hợp đồng: Trong quá trình khai thác tàu phải luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê tàu theo đúng thông lệ quốc tế về vận tải đường biển.
7. Thu cước và thanh lý hợp đồng: Việc thu cước căn cứ vào quy định trong hợp đồng vận tải và tuân thủ thông lệ quốc tế. Thông thường Chủ tàu có quyền lưu giữ hàng hoá cho đến khi Người thuê tàu thanh toán đầy đủ cước theo quy định.

Theo quy định trong hợp đồng, khi chấm dứt hợp đồng và bàn giao phương tiện, hai bên sẽ tiến hành làm các thủ tục thanh lý hợp đồng theo thông lệ quốc tế.

5.2. Nguyên vật liệu

Nhiên vật liệu chủ yếu của Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex sử dụng là dầu Diesel và xăng dầu các loại. Ở nước ta, xăng dầu là mặt hàng chiến lược do nhà nước nhập khẩu và phân phối ra thị trường bán lẻ. Do đó, nguồn cung của mặt hàng này luôn luôn được đảm bảo. Tuy nhiên, từ năm 2007 đến nay, giá cả xăng dầu trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có những biến động rất lớn, điều này ảnh hưởng đến tỷ lệ Chi phí nhiên liệu/Doanh thu của công ty. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex đã phấn đấu kiểm soát chi phí nhiên liệu để sự gia tăng của tỷ lệ này không vượt quá mức tăng của giá dầu. Kế hoạch cho các năm tiếp theo, Công ty dự kiến tiết giảm chi phí nhiên liệu 10% trên cơ sở xây dựng lại định mức tiêu hao nhiên liệu cho đội tàu và tăng cường công tác quản lý, đồng thời giảm chi phí sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn xuống 10% trên tổng chi phí trên cơ sở xây dựng định mức kỹ thuật vật tư theo các tiêu chuẩn tiên tiến.

5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần

Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2008, 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008 (Từ 20/2/2008 đến 31/12/2008)		Năm 2009		Tăng/ (giảm) (%) năm 2009 so với năm 2008
		Giá trị	%/Doanh thu thuần	Giá trị	%/Doanh thu thuần	
I	**Doanh thu thuần**	**25.930**	**100**	**67.302**	**100**	**159,6**
II	**Chi phí**	**28.479**	**109,83**	**77.315**	**114,88**	**171,5**
1	Giá vốn hàng bán	26.363	101,67	60.559	89,98	129,7
2	Chi phí tài chính	395	1,52	1.678	2,49	324,8
3	Chi phí bán hàng	25	0,10	11.958	17,77	47.732
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.696	6,54	3.120	4,64	83,96

Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty

Năm 2008, Công ty mới thành lập vì vậy tốn nhiều chi phí để xây dựng bộ máy nhân sự, hệ thống phân phối sản phẩm xi măng và hoạt động đường biển. Trong khi đó nguồn thu

chính của Công ty chỉ từ phân phối xi măng và vận chuyển clinker. Cụ thể, tỷ trọng chi phí trên doanh thu chiếm 109,83% năm 2008 và chiếm 114,88% năm 2009. Trong đó:

- *Giá vốn hàng bán*: Giá vốn hàng bán năm 2009 của toàn Công ty tăng 129,7% so với năm 2008. Nguyên nhân là do Công ty mở rộng hoạt động vận tải đường biển nên làm cho giá vốn hàng hóa tăng cao.

- *Chi phí tài chính và chi phí bán hàng*: Tỷ trọng chi phí tài chính và chi phí bán hàng/doanh thu thuần của công ty năm 2009 lần lượt là 2,49% và 17,77%, tăng so với năm 2008 là 324,8% và 47,732%. Điều này thể hiện quy mô mở rộng nhanh chóng của Công ty tuy nhiên Công ty vẫn kiểm soát tốt chi phí, đảm bảo tỷ lệ hợp lý so với doanh thu, hướng đến sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần của công ty giảm từ 6,54% năm 2008 xuống còn 4,64% năm 2009, cho thấy công ty đang ngày càng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Biểu đồ 4: Các loại chi phí so với doanh thu thuần

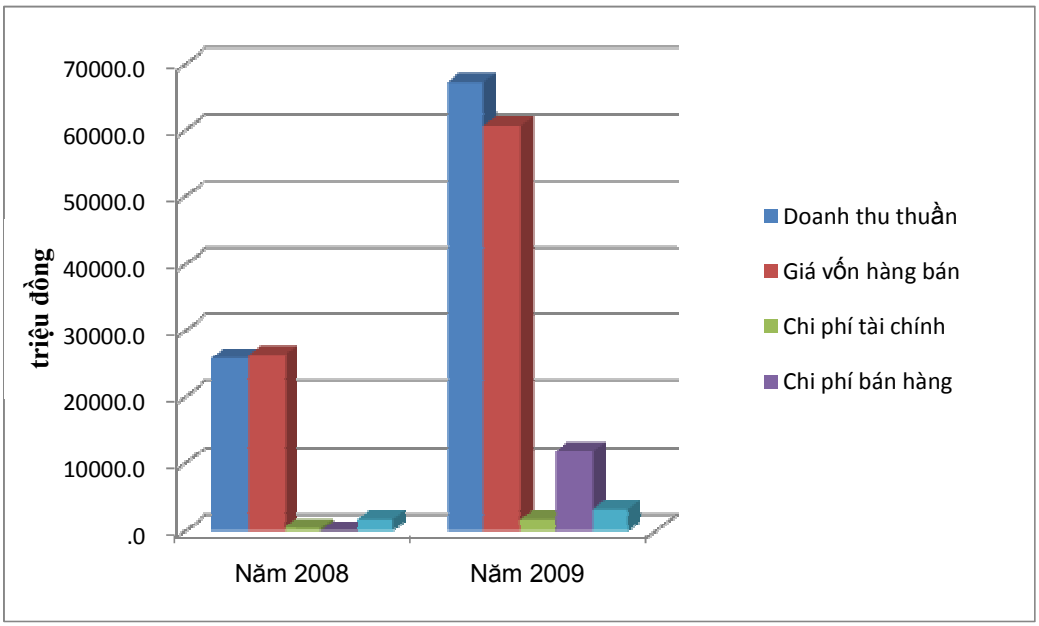

5.4. Trình độ công nghệ

Tuy là một công ty mới đi vào hoạt động nhưng nhìn chung Công ty CP Vận tải Vinaconex đã xây dựng một cho mình một hệ thống cơ sơ hạ tầng và phương tiện vận tải tương đối hiện đại, đáp ứng được nhu cầu vận tải trong những năm gần đây.

Trong dịch vụ vận tải, một trong những điều khách hàng quan tâm lớn nhất là thời gian vận chuyển và trọng tải. Để đáp ứng điều này, Công ty đã đầu tư nhập khẩu tàu có trọng tải lớn, và hiện đại có thể cạnh tranh được với các Công ty giao nhận vận tải khác trên thị trường.

Công ty luôn xác định đầu tư công nghệ là một trong những yếu tố quan trọng góp phần trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Do đó, Công ty dành nguồn ngân sách không nhỏ trong việc nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ để vừa khai thác hiệu quả những thế mạnh và nguồn lực hiện có của Công ty vừa phát triển công nghệ, tiềm lực mới, nâng cao lợi thế cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai của doanh nghiệp. Ngoài ra, công tác quản lý kỹ thuật và hiện đại hóa quy trình dịch vụ để phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và hệ thống tiêu chuẩn quốc tế cũng luôn được cập nhật. Hiện tại, tàu Vinaconex lines được trang bị hiện đại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công ước quốc tế, đảm bảo điều kiện kỹ thuật và an toàn theo yêu cầu của ngành vận tải biển trong nước và trên thế giới.

5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu là tiếp tục duy trì khai thác con tàu Vinaconex lines và lên kế hoạch cho năm tiếp theo đầu tư thêm tàu viễn dương có trọng tải lớn. Theo kế hoạch, trong năm 2010 Công ty sẽ tiếp tục đầu tư một tàu hiện đại trọng tải khoảng 15.000 DWT, đến năm 2012 Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm một tàu hiện đại trọng tải từ 15.000 DWT để khai thác nguồn hàng bên ngoài.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hệ thống quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ trong chiến lược kinh doanh của công ty, Công ty CP Vận tải Vinaconex đã xây dựng hệ thống quản lý công ty chặt chẽ.

Với nhận thức chất lượng là yếu tố quan trọng để giữ uy tín với khách hàng. Công ty đã đề ra chính sách chất lượng như sau:

- Hướng tới mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững, luôn luôn đổi mới, luôn luôn sáng tạo, để trở thành một trong những Doanh nghiệp hàng đầu về vận tải trong nước, vững vàng trong tiến trình hội nhập và toàn cầu hóa thương mại;
- Luôn xem xét, cải tiến để hoàn thiện quy trình phục vụ, thực hiện quản lý chất lượng một cách hoàn hảo nhất theo tiêu chuẩn quy định.

Để đảm bảo cho chất lượng dịch vụ không ngừng được cải tiến và nâng cao, yếu tố con người luôn được Công ty coi trọng và bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn. Công ty luôn xác định rõ tầm quan trọng của chữ tín trong kinh doanh trên cơ sở xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Mỗi CBCNV trong Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng này trong quá trình làm việc.

Cán bộ và nhân viên Công ty không ngừng phấn đấu để xây dựng thực hiện duy trì và cải thiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của lĩnh vực mà Công ty tham gia, góp phần tạo ra những sản phẩm dịch vụ tốt nhất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5.7. Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng , Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex, cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing để chăm sóc khách hàng cũ, tiếp cận và thu hút thêm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng bằng chính chất lượng dịch vụ của Công ty.

- **Hoạt động quảng cáo**

Với đặc thù là kinh doanh vận tải, mà nhất là vận tải biển, Công ty cần thiết duy trì và phát triển các mối quan hệ với hệ thống môi giới trong nước và quốc tế. Thông qua các kênh thông tin như báo chí, những Website chuyên ngành, Công ty luôn quảng bá hình ảnh của mình và các dịch vụ mà công ty cung cấp. Hàng năm Công ty tham gia các hội thảo của các hiệp hội các chủ tàu, các nhà môi giới trong và ngoài nước nhằm đưa thông tin Công ty đến với các đối tác nước ngoài.

Tất cả các trưởng phó phòng nghiệp vụ, nhân viên và Ban Lãnh đạo đều coi trọng công tác quảng bá hình ảnh, dịch vụ của công ty tới khách hàng. Ban Giám đốc thường xuyên có các cuộc thăm dò, trao đổi với khách hàng lớn, khách hàng tiềm năng để giải quyết các vướng mắc, cũng như để thu hút thêm được nhiều nhiều hợp đồng mới.

- **Hoạt động nghiên cứu thị trường**

Phòng quản lý và khai thác tàu luôn luôn tìm hiểu, cập nhật các thông tin về tình hình vận chuyển, cung cầu vận chuyển hàng hóa trên thị trường hàng hải quốc tế cũng như thị trường Việt Nam. Trong quá trình đàm phán, thỏa thuận mức giá cước với các chủ tàu dựa trên những đánh giá xu hướng về tình hình thị trường và nhiên liệu.

- **Khuyến mãi**

Trong hoạt động vận chuyển, doanh nghiệp luôn đề cao năng suất hoạt động của các tàu sao cho có hiệu quả. Giảm dưới mức thấp nhất cho thời gian chờ và thời gian chạy không. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng những điều khoản thưởng phạt cho các nhà cung cấp dịch vụ, các chủ tàu khi thực hiện công việc sớm hay chậm trễ làm trì hoãn hoạt động chạy tàu.

- **Chính sách giá**

Công ty dựa vào nhu cầu vận chuyển hàng hóa trên thị trường và các điều kiện sẵn có của chủ hàng và Công ty mà đưa ra mức giá phù hợp cho từng hoạt động. Giá cước vận chuyển của Công ty đảm bảo tính cạnh tranh, phù hợp với cung cầu của thị trường, đảm bảo lợi nhuận và kế hoạch của Công ty đề ra cho đội tàu. Tùy thuộc vào sự biến động của giá dầu trên thế giới mà Công ty sẽ có thay đổi giá thuê tàu để bù đắp chi phí đầu vào đồng thời phù hợp với mặt bằng giá chung trên thị trường quốc tế.

Trong năm 2010, nền kinh tế nước ta vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững không chỉ trước mắt mà cả những năm tiếp theo, nhất là nguy cơ về ổn định kinh tế vĩ mô và lạm phát cao trở lại. Công ty đã đặt ra các nhiệm vụ, mục tiêu rõ ràng, để đưa thương hiệu "VINACONEX TRANS" ngày càng phổ biến trong lĩnh vực giao nhận vận tải biển.

5.8. Biểu tượng (Logo) của Công ty

Công ty sử dụng thương hiệu và logo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam đã được đăng ký sở hữu trí tuệ tại Hoa Kỳ ngày 11/10/2005, tại Hàn Quốc ngày 16/11/2004, tại Việt Nam ngày 02/05/2003.

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Các hợp đồng lớn đã ký kết - thực hiện tính đến tháng 3/2010

TT	Nội dung Hợp Đồng	Giá trị (USD)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
1	HĐ Vận chuyển phân hóa học 14,300 tấn, từ Upsan, Hàn Quốc về Tp.Hồ Chí Minh ngày 27/11/2009	264.907,5	14/12/2009	07/01/2020
2	HĐ Vận chuyển gỗ dăm 6.277 tấn từ Gò Dầu đi Yangpu, Trung Quốc ngày 29/12/2009.	82.875	7/1/2010	18/1/2010
3	HĐ chở quặng Mangan 14,700 tấn từ Kuanta Malaysia đến Qinzhou, Trung Quốc	166.110	21/1/2010	2/2/1010
4	HĐ vận chuyển Clinke khoảng 15.000 tấn		3/2/2010	19/2/2010
5	HĐ vận chuyển thạch cao 14,700 tấn ngày 5/2/2010	117.600	21/2/2010	3/3/2010
6	HĐ vận chuyển Clinke khoảng 15.000 tấn ngày 5/3/2010		5/3/2010	16/3/2010
7	HĐ vận chuyển Clinke khoảng 1.500 tấn		19/3/2010	28/3/2010
8	HĐ vận chuyển thạch cao từ Bangkok về Hòn Gai ngày 11/3/2010	160.897	14/4/2010	1/4/2010

Nguồn: Báo cáo tổng hợp các hợp đồng đã ký kết của Công ty VINACONEX TRANS

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Bảng 9: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý I/2010	Tăng/ (giảm) (%) năm 2009 so với năm 2008
1	Tổng giá trị tài sản	33.903.298.396	266.743.204.801	294.710.066.966	687
2	Doanh thu thuần	25.930.585.327	67.302.847.037	26.296.316.013	160
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	(1.479.945.898)	(7.656.958.246)	(1.425.329.577)	417
4	Lợi nhuận khác	493.849.069	10.080.472.453	3.340.000.000	1,941
5	Lợi nhuận trước thuế	(986.096.829)	2.423.514.207	1.914.670.423	346
6	Lợi nhuận sau thuế	(986.096.829)	2.112.055.471	1.436.002.817	314
7	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(4%)	3%	5,46%	183
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	-	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty

(*) Lợi nhuận để chi trả cổ tức / Tổng lợi nhuận sau thuế

Cuộc khủng hoảng năm 2008, 2009 với hậu quả là lạm phát gia tăng, thắt chặt tín dụng, cắt giảm lao động, nhu cầu tiêu dùng và xây dựng cơ bản giảm sút ... ít nhiều cũng ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo đã có những định hướng và chỉ đạo đúng đắn giúp Công ty vượt qua những khó khăn ngay từ những ngày đầu mới thành lập.

Đạt được kết quả trên là do trong năm 2009 Công ty đẩy mạnh hoạt động vận chuyển đường biển với nhiều hợp đồng có giá trị cao. Đồng thời, với việc đưa con tàu Vinaconex lines vào hoạt động đã tạo nguồn doanh thu ổn định và có bước tăng trưởng mạnh góp phần làm tăng doanh thu của Công ty.

Lợi nhuận Công ty năm 2009 tăng trưởng mạnh so với năm 2008 là do doanh thu vận tải năm 2009 chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu và đây là hoạt động kinh doanh có tỷ suất lợi nhuận cao. Thêm vào đó việc quản lý chi phí chặt chẽ đã giúp doanh nghiệp có được kết quả lợi nhuận rất tốt. Cụ thể lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính năm 2009 so với năm

2008 đã tăng trưởng hơn 314%. Đây là một nỗ lực cố gắng rất đáng ghi nhận của Ban Lãnh đạo Công ty.

Nguyên nhân của việc hoạt động sản xuất kinh doanh chính bị lỗ là do hoạt động bán xi măng: giá bán cao hơn giá mua không nhiều (năm 2009, tỷ lệ lãi gộp của hoạt động này khoảng 11%), mặt khác hoạt động vận chuyển xi măng cho Xi măng Cẩm Phả gần như không có lãi. Tuy nhiên, công ty vẫn cung cấp dịch vụ này vì nếu cung cấp dịch vụ này thì việc mua xi măng chậm trả để bán mới thuận tiện. Để Công ty được hưởng chính sách thưởng và hỗ trợ bán hàng theo sản lượng tiêu thụ của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả (ghi nhận là thu nhập khác). Chính vì mục tiêu của công ty là tiền thưởng và hỗ trợ bán hàng đi kèm với hoạt động bán xi măng. Công ty thường xuyên phải sử dụng dịch vụ thuê vận chuyển đến tận chân công trình làm cho chi phí bán hàng tăng rất cao. Nhằm chiếm lĩnh thị trường phân phối xi măng, lấy sản lượng. Do đó, lợi nhuận của hoạt động kinh doanh của công ty là lỗ. Nhưng đứng trên góc độ hoạt động của toàn công ty vẫn lãi.

Cụ thể theo báo cáo tài chính Công ty:

Tổng giá trị tài sản tăng 687% đạt 267 tỷ đồng, ***doanh thu thuần*** đạt hơn 67 tỷ đồng tăng 160% , tuy nhiên ***lợi nhuận từ HĐKD*** lỗ 7,6 tỷ đồng nguyên nhân là do Công ty chịu chi phí bán hàng rất lớn khoảng 11 tỷ đồng do Công ty đang trong quá trình mở rộng thị trường kinh doanh.

Lợi nhuận khác đạt 10,08 tỷ đồng, tăng 1.941% so với năm 2008 do trong năm Công ty đã hạn chế bớt việc hoạt động kinh doanh không có hiệu quả, và thu tiền từ hỗ trợ bán hàng cho Công ty Xi măng Cẩm phả.

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của công ty cũng tăng tương ứng 346% đạt 2,4 tỷ đồng và 314% đạt 2,1 tỷ đồng.

Biểu đồ 5: Kết quả hoạt động kinh doanh

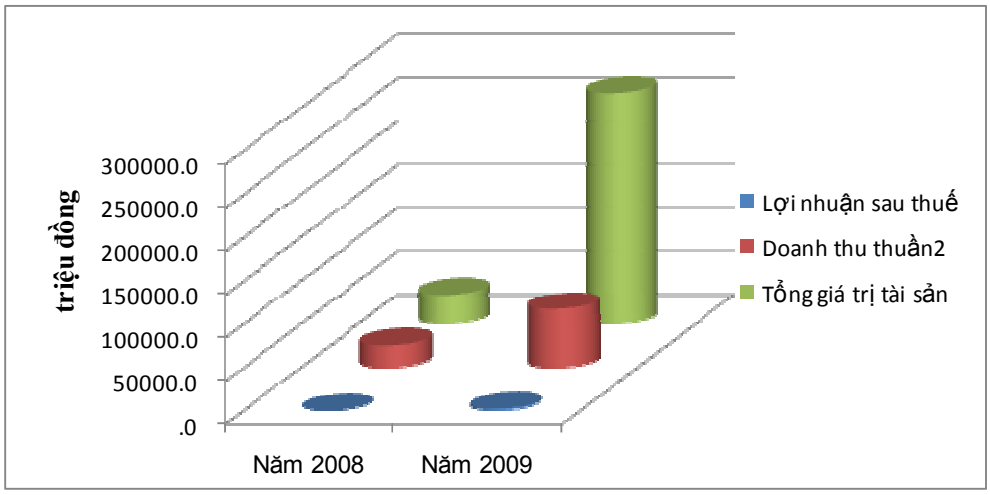

6.2. *Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty*

6.2.1. *Các nhân tố thuận lợi*

- Là thành viên của Tổng công ty VINACONEX nên được sự hỗ trợ rất nhiều mặt từ Tổng Công ty;
- Có đội ngũ cán bộ công tác nhiều năm và được trưởng thành trong công tác cung cấp dịch vụ đường biển;
- Sự đoàn kết chặt chẽ và thống nhất trong Ban lãnh đạo Công ty cùng với một tập thể cán bộ công nhân viên luôn nỗ lực, sáng tạo, có tư tưởng vững vàng, toàn tâm cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của Công ty;

6.2.2. *Các nhân tố khó khăn*

- **Cạnh tranh trong ngành vận tải:** Năm 2009, thị trường nội địa bị cạnh tranh gay gắt không những giữa những Công ty cùng ngành trong nước mà còn với cả các Công ty cung cấp dịch vụ vận tải biển nước ngoài, tính cạnh tranh về giá cước cao đã bắt đầu ảnh hưởng đến sản lượng vận tải nội địa của Công ty. Đây là một thách thức đối với Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- **Chi phí nhiên liệu:** Do chiếm một tỷ trọng cao trong tổng chi phí, chi phí nhiên liệu ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty. So sánh hai năm 2008 và 2009, giá nhiên liệu tăng trung bình 10%.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. *Vị thế của Công ty trong ngành*

Với tổng trọng tải con tàu Yakumo là 15.500 DWT, tuy còn nhỏ so với rất nhiều doanh nghiệp, nhưng với sự hỗ trợ về nguồn hàng của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty đang dần khẳng định được tên tuổi của mình trong lĩnh vực vận tải biển. Theo kế hoạch từ nay tới năm 2012, Công ty dự sẽ đầu tư mua thêm 02 tàu để tăng năng lực kinh doanh và sức cạnh tranh của mình.

7.2. *Triển vọng phát triển của ngành vận tải bằng đường biển*

Với đà phát triển hiện nay cũng như dự báo trong những năm tiếp theo, khu vực Đông Á, đặc biệt Đông Nam Á có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao trên thế giới. Điều này cũng đòi hỏi về nhu cầu vận tải giao nhận hàng hóa bằng đường biển cũng tăng trưởng mạnh. Đây là cơ hội để Công ty mở rộng thị phần vận tải của mình ra bên ngoài.

Theo như dự báo của Bộ Xây dựng tính toán nhu cầu xi măng năm 2010 khoảng 50-51,5 triệu tấn, tăng 11% so với năm 2009. Bộ Xây dựng hiện đã định hướng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ cho các đơn vị trong năm 2010 như: Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam sản xuất và tiêu thụ khoảng 18-18,5 triệu tấn, các công ty liên doanh 15-15,5 triệu tấn, xi măng lò đứng các địa phương và các trạm nghiền xi măng 17-17,5 triệu tấn. Đây là cơ hội đối với Công

ty về thị trường vận tải sản phẩm Clinker và phân phối xi măng, thêm vào đó khi khủng hoảng kinh tế đã đi qua là lúc ngành vận tải biển phát huy được sức mạnh nói chung và sự phát triển của Công ty nói riêng.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Việt Nam là một nước đang phát triển và mới gia nhập WTO, nhu cầu về vật liệu xây dựng đặc biệt là nguyên liệu xi măng để phục vụ cho việc xây dựng và phát triển đất nước ngày càng cao. Mặt khác, Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex, ngoài nhiệm vụ phục vụ sự phát triển của đất nước còn phải đảm bảo là đơn vị lá cờ đầu trong Tổng Công ty. Xuất phát từ các yếu tố trên, Tổng Công ty đã có nhiều chủ trương hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của Công ty đây là một yếu tố quan trọng để ổn định kinh doanh và ngày càng khẳng định vị thế của mình.

7.4. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty

Chiến lược phát triển của Công ty được xác định cụ thể đến năm 2015 là:

- Là một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải biển mạnh của Việt Nam và trong khu vực.
- Trở thành đơn vị lá cờ đầu của Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex.
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đa ngành đa nghề như kinh doanh xuất nhập khẩu; chế tạo và gia công cơ khí; du lịch dịch vụ; đào tạo; kinh doanh bất động sản; tài chính…
- Tiếp tục xây dựng VINACONEX TRANS trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực vận tải biển.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm tháng 5/2010, Công ty VINACONEX TRANS có 22 người. Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 10: Cơ cấu lao động tại tháng 5/2010

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG *(người)*	TỶ LỆ*(%)*
I	**Phân theo trình độ**	**22**	**100,00**
1	Đại học và trên đại học	20	90,90
2	Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	01	4,55
3	Lái xe	01	4,55
II	**Phân theo Giới tính**	**22**	**100,00**
1	Nam	16	72,73
2	Nữ	06	27,27

Nguồn: Báo cáo nhân sự của Công ty VINACONEX TRANS

8.2. *Các chính sách đối với người lao động*

- Công ty xây dựng và áp dụng các chính sách lao động phù hợp với qui định của Luật lao động, các qui định có liên quan đồng thời khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh đó thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.
- Chế độ lương: Công ty trả lương theo năng lực cho CBCNV (mức lương không thấp hơn lương tối thiểu của Nhà nước quy định nhân với hệ số lương cơ bản của người lao động). Công ty xây dựng thang bảng lương phù hợp với thực tế hiện nay.
- Chính sách thưởng: Tùy vào hiệu quả sản xuất kinh doanh, thưởng 1 hoặc 2 tháng lương thu nhập, được phân phối theo thời gian làm việc thực tế trong năm và lương công việc của người lao động tại thời điểm phân bổ. Phúc lợi xã hội cho nhân viên Công ty trả trợ cấp xã hội và y tế theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra hàng năm công ty đều tổ chức cho CBCNV công ty đi tham quan du lịch trong nước và nước ngoài từ nguồn phúc lợi.
- Công ty cũng chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm công ty đều dành ngân sách cho đào tạo theo kế hoạch nhằm đảm bảo nâng cao kiến thức cho người lao động về mọi mặt, tổ chức giao lưu trao đổi kinh nghiệm và học tập ở trong và ngoài nước.
- Chính sách tuyển dụng: Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua tìm kiếm những người có năng lực và có tác phong làm việc phù hợp. Việc tuyển dụng được thực hiện công khai qua báo chí hoặc các nhà môi giới việc làm chuyên nghiệp.

9. Chính sách cổ tức

Trong những năm vừa qua, do hoạt động kinh doanh còn đang trong giai đoạn đầu tư phát sinh chi phí, chưa có lãi. Do đó Năm 2008, 2009 Công ty chưa chi trả cổ tức, Dự kiến sang năm 2010 nếu phát sinh Công ty sẽ thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng Quản trị xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định trên nguyên tắc sau:

- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ phần vốn góp nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.
- Thời gian sử dụng ước tính để tính khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 11: Thời gian sử dụng các loại tài sản tính khấu hao

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	08 - 12
Dụng cụ quản lý	03-04
Phần mềm máy tính	03

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 của Công ty

10.1.2. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty, cụ thể như sau:

- Năm 2008 là 10.449.000 đồng/người/tháng.
- Năm 2009 là 6.696.000 đồng/người/tháng.

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Vào thời điểm 31/12/2009 Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã kê khai và thực hiện đúng các khoản nộp Ngân sách theo luật định.

Bảng 12: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2008, 2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	QI/2010
Thuế GTGT	-	-	1.950.775.600

Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	311.458.736	311.458.736
Thuế thu nhập cá nhân	26.478.600	16.709.800	26.212.100
TỔNG CỘNG	**26.478.600**	**328.168.536**	**2.288.446.436**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty

10.1.5. Trích lập các quỹ

Các Quỹ do Đại hội cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập và Hội đồng quản trị quyết định cách thức sử dụng bao gồm quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và các quỹ khác. Tính đến ngày 31/12/2009 tình hình trích lập các Quỹ của Công ty như sau:

Bảng 13: Tổng hợp chi tiết số dư các quỹ năm 2008, 2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các Quỹ	31/12/2008	31/12/2009
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(5.500.000)
Tổng cộng		**(5.500.000)**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty

10.1.6. Tổng dư nợ vay

Bảng 14: Các khoản vay của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Vay dài hạn

Tên tổ chức tín dụng	Mục đích	Dự nợ tại 31/12/2008	Dự nợ tại 31/12/2009
Công ty tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel Hợp đồng tín dụng số 011209/TĐH ngày 02 tháng 12 năm 2009	Phục vụ SXKD	-	150.000
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Hợp đồng tín dụng số 0032/09/SGD ngày 22/07/2009	Phục vụ SXKD	-	13.115
Tổng cộng			**163.115**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 của Công ty

10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:

Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Các khoản phải thu	31/12/2008	31/12/2009
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	**11.945.760.073**	**20.548.593.714**
Phải thu khách hàng	11.756.026.740	19.874.184.278
Trả trước người bán	20.000.000	533.430.531
Các khoản phải thu khác	169.733.333	140.978.905
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
Tổng cộng	**11.945.760.073**	**20.548.593.714**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty

Khoản mục phải thu khách hàng năm 2009 là khoản công nợ của các Công ty sau cụ thể:

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Khách hàng	31/12/2009
Công ty Cổ phần VIMECO	5.315.287.695
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	3.460.829.150
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	4.001.292.421
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	319.842.500
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	882.732.865
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	488.234.300
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	443.508.750
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - CN Miền Nam	776.121.987
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	1.093.782.400
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	3.075.377.210
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	17.175.000
Tổng cộng	**19.874.184.278**

- Các khoản phải trả:

Bảng 17: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Các khoản phải trả	Năm 2008	Năm 2009
I. Các khoản phải trả ngắn hạn	**11.817.562.995**	**13.066.477.652**
Phải trả cho người bán	11.743.092.217	12.281.658.229
Thuế và các khoản phải nộp NN	26.478.600	328.168.536
Phải trả người lao động	42.414.950	335.245.300
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.577.228	121.405.587
II. Các khoản phải trả dài hạn	**-**	**163.115.340.000**
Vay và nợ dài hạn	-	163.115.340.000
Tổng cộng (I+II)	**11.817.562.995**	**176.181.817.652**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009 của Công ty Vinatran

- Khoản mục phải trả cho người bán đến 31/12/2009 chủ yếu là của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả, cụ thể như sau:
  + Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả: 11.239.638.500 đồng
- Các khoản phải trả dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản phải trả của Công ty là bao gồm hai khoản vay từ Công ty tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel và Ngân Hàng TMCP Hàng Hải (xem chi tiết mục 10.1.6 – Tổng dư nợ vay)

10.1.8. Đầu tư ngắn hạn

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản đầu tư mua cổ phiếu của các Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua và khoản ủy thác vốn có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhân theo giá gốc bắt đầu từ ngày ủy thác, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư. Số dư cuối kỳ năm 2009 của khoản dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là 927.460.000 đồng.

Bảng 18: Chi tiết khoản mục đầu tư ngắn hạn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2008	31/12/2009
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn – Cổ phiếu	**3.926.453.837**	**3.128.640.000**

Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB)	499.247.750	-
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	851.275.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	359.128.887	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS)	179.188.380	414.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	435.652.500	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PVS)	535.697.500	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (SDT)	137.706.250	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 (VC2)	380.570.00	-
Công ty Cổ phần Vimeco (VMC)	426.218.370	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	121.769.200	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán (SSI)	-	140.030.000
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	-	720.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	323.710.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 6 (VC6)	-	754.630.000
Tổng Công ty Cổ phần XNK và XD Việt Nam (VCG)	-	776.270.000
Đầu tư ngắn hạn khác	**5.000.000.000**	**4.000.000.000**
Ủy thác sử dụng vốn	5.000.000.000	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	**8.926.453.837**	**7.128.640.000**

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn *(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)*	lần	1,92	3,22

Hệ số thanh toán nhanh *(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	lần	1,92	3,19
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,86	66,05
Hệ số Nợ/Vốn sở hữu	%	53,51	194,54
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay Hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bq)	vòng	-	1,13
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	lần	0,76	0,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	3,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	2,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	0,79
Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	-	-

- ***Chỉ tiêu về khả năng thanh toán***:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty đều lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ của công ty rất tốt. Công ty không gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

- ***Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:***

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2009 tăng vượt bậc so với năm 2008, nguyên nhân chính là do, trong năm 2009 Công ty có 2 khoản vay dài hạn từ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel và Ngân Hàng TMCP Hàng Hải với tổng số tiền là 163 tỷ.

Hệ số nợ cao tiềm ẩn các rủi ro về tài chính. Bảng trên cho thấy, tuy Công ty vẫn có một mức nợ cao, nhưng Công ty có xu hướng giảm dần tỷ trọng nợ trong tổng nguồn để hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn cho hoạt động của mình. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn của Công ty rất tốt nên cũng không lo ngại về khả năng mất thanh khoản của công ty.

- ***Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:***

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2009 nhìn chung là thấp. Do Công ty hầu như không thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh thương mại và sản xuất hàng hóa do vậy tỷ trọng hàng tồn kho trong năm 2009 của Công ty là thấp

Các hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản và Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu phản ánh việc sử dụng tài sản và nguồn vốn của Công ty để tạo ra doanh thu. Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2009 giảm so với năm 2008 từ 0,76% xuống còn 0,25% điều này không phải do doanh thu của công ty năm 2009 không tăng trưởng mà do sự tăng trưởng của tài sản nhanh hơn sự tăng trưởng của doanh thu.

- ***Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:***

Các chỉ tiêu sinh lời của Công ty tuy chưa được cao nhưng cũng đã có sự tăng trưởng tốt từ năm 2008 đến 2009. Năm 2008, công ty lỗ nhưng đến năm 2009, lợi nhuận sau thuế là đạt được là hơn 2 tỷ đồng điều này cho thấy một VINACONEX TRANS đang trên đà phát triển và tăng trưởng.

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

		Chức vụ	Năm sinh
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Hoàng Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1964
2	Nguyễn Thái Hà	Uỷ viên HĐQT	1960
3	Nguyễn Kim Phụng	Uỷ viên HĐQT	1960
4	Phan Huy Chí	Uỷ viên HĐQT	1975
5	Nguyễn Văn Lượng	Uỷ viên HĐQT	1966
II. BAN GIÁM ĐỐC			
1	Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc	1960
2	Phạm Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc	1975
3	Nguyễn Xuân Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1956
III. BAN KIỂM SOÁT			
1	Phạm Như Hà	Trưởng Ban kiểm soát	1974
2	Nguyễn Hồng Phú	Thành viên Ban kiểm soát	1979
3	Nguyễn Văn Thoan	Thành viên Ban kiểm soát	1958
4	Trần Đăng Lợi	Thành viên Ban kiểm soát	1953
IV. KẾ TOÁN TRƯỞNG			
	Bùi Sỹ Ân	Phụ trách kế toán	1976

11.2. Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

❖ ÔNG HOÀNG ANH TUẤN – CHỦ TỊCH HĐQT

1. Họ và tên: **HOÀNG ANH TUẤN**
2. Số CMND: 012661791 ngày cấp: 08/03/2004 nơi cấp: CA Hà Nội
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 07 năm 1964
5. Nơi sinh: Hoằng Khánh – Hoằng Hóa - Thanh Hóa
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hoằng Khánh – Hoằng Hóa - Thanh Hóa.
9. Địa chỉ thường trú: Số 156, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (033) 3 721996
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
13. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1984 - 1996	Xi măng Hoàng Thạch	Trưởng ca sửa chữa Điện
1996 – 2001	Công ty liên doanh Xi măng Nghi Sơn	Trưởng phòng Điện
2001 – 2003	Công ty CP Xi măng Thăng Long	Giám đốc Dự án
2003 – 2004	Công ty Xi măng Thanh Liêm	Giám đốc Công ty
2004 – 2006	BĐH Trạm Nghiền Xi măng Cẩm Phả	Phó Giám đốc BĐH
4/2006 – 2008	Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả	Giám đốc Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả
2008 – 2009	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	Phó Tổng Giám đốc Công ty
2/2009 – nay	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	Tổng Giám đốc Công ty

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP vận tải Vinaconex
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Xi măng Cẩm Phả
17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: 2.507.183 cổ phần của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

❖ ÔNG NGUYỄN THÁI HÀ - Uỷ viên HĐQT

1. Họ và tên: **NGUYỄN THÁI HÀ**
2. Số CMND: 111897475 ngày cấp: 28/6/2002 nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính: nam
4. Ngày tháng năm sinh: 09 tháng 01 năm 1960
5. Nơi sinh: Bệnh viện Bắc Thái
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Đáp Cầu - Bắc Ninh
9. Địa chỉ thường trú: R1 – Tô Hiệu – Hà Đông – Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 3 5562984
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
13. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
10/1977-10/1982	Học viện kỹ thuật Quân sự	Bộ đội - học viên học viện kỹ thuật quân sự
10/1982-4/1989	Bộ tư lệnh Thiết Giáp	Sỹ quan - Trạm phó trạm sửa chữa thông tin
05/1989-8/1990	Bộ tư lệnh Thiết Giáp	Sỹ quan - Trợ lý kỹ thuật ban thông tin

09/1990-03/1994	Licogi	Cán bộ xí nghiệp xây dựng số 1
04/1994-12/1996	Tổng công ty Vinaconex	Cán bộ phòng xây dựng Tổng công ty Vinaconex
01/1997-03/1998	Công ty cơ giới và lắp máy xây dựng (VIMECO)	Phó phòng cơ giới vật tư
03/1998-06/2003	Công ty cơ giới và lắp máy xây dựng (VIMECO)	Trưởng phòng cơ giới vật tư
06/2003-02/2008	Công ty cơ giới và lắp máy xây dựng (VIMECO)	Phó giám đốc Công ty cơ giới và lắp máy xây dựng (VIMECO)
02/2008-nay	Công ty CP vận tải Vinaconex	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP vận tải Vinaconex

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Tổng giám đốc Công ty CP vận tải Vinaconex kiểm thành viên HĐQT
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 64.900 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phần của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

❖ ÔNG NGUYỄN KIM PHỤNG - Ủy viên HĐQT

1. Họ và tên: **NGUYỄN KIM PHỤNG**
2. Số CMND: 023979840 ngày cấp: 14/1/2002 nơi cấp: CA TP.HCM

3. Giới tính: Nam

4. Ngày tháng năm sinh: 14 tháng 11 năm 1960

5. Nơi sinh: Hải Phòng

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Vĩnh Niệm, An Hải, Hải Phòng

9. Địa chỉ thường trú: 95 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, quận I, TP.HCM

10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (031) 3 686208

11. Trình độ văn hoá: 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ

13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp

14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1978-1983	Đại học giao thông đường thuỷ Hải Phòng	Sinh viên
1984-1992	Công ty Container Phía Bắc	Cán bộ phòng Khai thác
1993-1997	Chi nhánh Công ty Container Phía Nam tại Hải Phòng	Cán bộ phụ trách hàng nhập
1997-2002	Công ty Container Phía Nam tại TP.HCM	Cán bộ phụ trách hàng nhập hãng tầu Evergreen
2002-nay	Công ty TNHH Vĩnh Phước	Chủ tịch Thành viên

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP vận tải Vinaconex

16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Thành viên Công ty TNHH Vĩnh Phước

17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: 1.000.000 cổ phần của Công ty TNHH Vĩnh Phước

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có

20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

❖ ÔNG PHAN HUY CHÍ - Uỷ viên HĐQT

1. Họ và tên: **PHAN HUY CHÍ**
2. Số CMND: 011897895 Ngày cấp: 06/07/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 10/09/1975
5. Nơi sinh: Quốc Oai – Hà Tây
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội
9. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 168, Tổ 94, Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
10. Chỗ ở hiện tại: Số 168, Tổ 94, Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật kinh tế
13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
5/2005 – nay	Công ty cổ phần Tư vấn Anh	Chủ tịch HĐQT
12/2006 – 8/2009	Công ty CP Chứng khoán SME	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
09/2009 - nay		Chủ tịch HĐQT
03/2010 – nay	Công ty CP Quản lý quỹ SME	Chủ tịch HĐQT
3/2007 - nay	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Ủy viên HĐQT
02/2008 - nay	Công ty CP Vận tải Vinaconex	Ủy viên HĐQT

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải Vinaconex.
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SME, Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn Anh, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý quỹ SME.
17. Số cổ phần nắm giữ:

    Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần*

    + Đại diện sở hữu cổ phần: Không có
18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết : Không có

❖ **ÔNG NGUYỄN VĂN LƯỢNG - Uỷ viên HĐQT**

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN LƯỢNG**
2. Số CMND: 030986368 ngày cấp: 23/11/2007 nơi cấp: CA Hải Phòng.
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 10 tháng 06 năm 1966
5. Nơi sinh: Thái Bình
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình.
9. Địa chỉ thường trú: Số 8, Bãi bóng An Dương Lâm Tường, Lê Chân – Hải Phòng.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (033) 3 721996
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1991 - 1994	Đông Hòa, Hải Phòng	Trưởng ca vận hành trạm 220KV Đông Hòa, Hải Phòng

1994 – 1996	Công ty Ống Thép Việt Nam	Tổ trưởng Tổ điện
1996 – 2001	Công ty Xi măng Chinfon HP	Trợ lý kỹ thuật
2001 – 2003	Nomura – Hải Phòng	Trưởng bộ phận vận hành, bảo dưỡng trạm biến áp Nomura – Hải Phòng
2003 – 8/2008	Ban QLDA Xi măng Cẩm Phả	Trưởng phòng Điện Nước
8/2008 – 4/2009	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	Giám đốc Ban Sản Xuất
4/2009 – nay	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	Phó Tổng Giám đốc

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên Hội Đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả
17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

11.3. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Giám đốc

- **ÔNG NGUYỄN THÁI HÀ- Tổng Giám đốc (xem phần TV HĐQT trên đây)**
- **ÔNG PHẠM NGỌC BÌNH – Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **PHẠM NGỌC BÌNH**
2. Số CMND: 011932347 ngày cấp: 8/5/2002 nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 13 tháng 9 năm 1975
5. Nơi sinh: Hà Nội
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Ngọc Lâm, Mỹ Hào, Hưng Yên

9. Địa chỉ thường trú: 32 phố Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 3 5562982
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
10/2001-8/2006	Tổng công ty Vinaconex	Chuyên viên Trung tâm kinh doanh xuất nhập khẩu (VINATRA) - Tổng công ty CP Vinaconex
8/2006-3/2007	Trạm nghiền xi măng Cẩm Phả	Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Trạm nghiền xi măng Cẩm Phả
3/2007-2/2008	Trạm nghiền xi măng Cẩm Phả	Phó giám đốc Trạm nghiền xi măng Cẩm Phả
2/2008-nay	Công ty CP vận tải Vinaconex	Phó Tổng giám đốc Công ty CP vận tải Vinaconex

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty CP vận tải Vinaconex
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: + *Sở hữu cá nhân: 22.600 cổ phần*

+ *Đại diện sở hữu:* 0 *cổ phần*

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

❖ **ÔNG NGUYỄN XUÂN BẢO – Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **NGUYỄN XUÂN BẢO**
2. Số CMND: 030630989 ngày cấp: 17/7/2005 nơi cấp: CA Haiphòng
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 22 tháng 08 năm 1956
5. Nơi sinh: Lê lợi - An Dương – Hai phòng
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Thị trấn An dương – Huyên An dương - Hải phòng

9. Địa chỉ thường trú: 17 Phạm Ngũ lão – Ngô Quyền - Hải phòng

10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 3 5562980

11. Trình độ văn hoá: 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tầu biển

13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp

14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
10/1974-10/1979	Đại học giao thông đường thuỷ (ĐHHH)	Sinh viên khoá 15 Nnghành máy tầu Khoa cơ khí
1/1980- 6/2006	Phòng kỹ thuật – Cty CP vận tải biển VN(VOSCO)	Chuyên viên kỹ thuật
9/2006-5/2008	XN sửa chữa và dịch vu tầu biển VOSCO	Phó giám đốc
5/2008- đến nay	Cty CP vận tải Vinaconex	Phó Tổng giám đốc

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty CP vận tải Vinaconex

16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: + *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có

20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

11.4. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

❖ **ÔNG PHẠM NHƯ HÀ – Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **PHẠM NHƯ HÀ**
2. Số CMND: 011676345 ngày cấp: 06/2/2010 nơi cấp: CA Hà Nội
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 04 tháng 11 năm 1974
5. Nơi sinh: Hà Nội
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Đức Nhân, Đức Thọ, Hà Tĩnh
9. Địa chỉ thường trú: Nhà 16 ngõ 93 Tô Vĩnh Diện, Thanh Xuân, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 3 7723986
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1997 - nay	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	Phó trưởng Ban tín dụng Doanh nghiệp

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP vận tải Vinaconex
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban tín dụng Doanh nghiệp Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
17. Số cổ phần nắm giữ:

    Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

    + Đại diện sở hữu: 1.000.000 cổ phần của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

❖ **ÔNG NGUYỄN HỒNG PHÚ - Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG PHÚ**
2. Số CMND: 131505867 ngày cấp: 11/07/2005 nơi cấp: Phú Thọ
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 18 tháng 11 năm 1979
5. Nơi sinh: Đoan Hùng, Phú Thọ.
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
9. Địa chỉ thường trú: Số 17 tổ 15A, cum 4, phường Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (033) 3 721 996
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý tài chính Nhà nước
13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
01/2002 - 04/2003	Đoan Hùng, Phú Thọ	Nhân viên Phòng Tài chính – Kế hoạch UBND huyện Đoan Hùng, Phú Thọ
04/2003 - 03/2009	Ban QLDA Xi măng Cẩm Phả	Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán
04/2009 - nay	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	Phụ trách Phòng Phòng Tài chính – Kế toán

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phụ trách Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả
17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: 500.000 cổ phần của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có

20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

❖ **ÔNG NGUYỄN VĂN THOAN - Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN THOAN**
2. Số CMND: 030934275 ngày cấp: 19/8/1989 nơi cấp: CA TP.Hải Phòng
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 12 tháng 10 năm 1958
5. Nơi sinh: Hải Phòng
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Đại Hợp, Kiến Thuy, Hải Phòng
9. Địa chỉ thường trú: 409 Lê Lai, Ngô QUyền, Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (031) 3 686208
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ
13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ, nghề nghiệp
1997-1983	Bộ tư lạnh Thông tin	Bộ đội
1983-1987	Trường ĐH kinh tế quốc dân	Sinh viên
1988-1998	Tổng công ty Thuỷ sản Hạ Long	Cán bộ kế toán
1998-2003	Tổng công ty Thuỷ sản Hạ Long	Phó phòng kinh doanh xuất nhập khẩu
2003-2006	Công ty TM dịch vụ Hạ Long	Phó giám đốc

2006-nay	Công ty TNHH Vĩnh Phước	Kế toán trưởng

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP vận tải Vinaconex
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Vĩnh Phước
17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

❖ **ÔNG TRẦN ĐĂNG LỢI - Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **TRẦN ĐĂNG LỢI**
2. Số CMND: 011324178 ngày cấp: 25/4/2001 nơi cấp: công an TP Hà Nội
3. Giới tính: nam
4. Ngày tháng năm sinh: 04 tháng 03 năm 1953
5. Nơi sinh: xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng yên
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng yên
9. Địa chỉ thường trú: Số 12, ngách 34A/5 khu 34A Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 6 2849211
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
13. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ, nghề nghiệp

12/1976-8/1978	Công ty kiến trúc Xuân Hoà - Bộ xây dựng	Công nhân
8/1978-12/1998	Công ty CP xây dựng số 2 - Tổng công ty Vinaconex	Kế toán viên xí nghiệp xây dựng số 5
01/1989-6/1989	Tổng công ty Vinaconex	Kế toán viên
7/1989-2/1992	Công ty xây dựng số 7 - Tổng công ty Vinaconex	Phụ trách phòng Tài chính kế toán
3/1992-4/1994	Công ty xây dựng số 10 - Tổng công ty Vinaconex	Phụ trách phòng Tài chính kế toán
5/1994-6/1995	Tổng công ty Vinaconex	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán
7/1995-6/1997	Công ty xây dựng số 6 - Tổng công ty Vinaconex	Phó phòng Tài chính kế toán
7/1997-12/2002	Công ty CP cơ giới lắp máy và xây dựng - Tổng công ty Vinaconex	Kế toán trưởng
11/2002-3/2007	Công ty CP xây dựng số 2 - Tổng công ty Vinaconex	Kế toán trưởng
4/2007-7/2008	Công ty CP xây dựng số 2 - Tổng công ty Vinaconex	Kế toán trưởng, UV.HĐQT Công ty CP xây dựng số 2
7/2008-1/2010	Công ty CP xây dựng số 2 - Tổng công ty Vinaconex	Phó giám đốc, UV.HĐQT Công ty CP xây dựng số 2
01/2010-nay	Tổng công ty CP Vinaconex	Giám đốc Ban giám sát kinh tế tài chính

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: thành viên Ban kiểm soát Công ty CP vận tải Vinaconex

16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Ban giám sát kinh tế tài chính Tổng công ty CP Vinaconex

17. Số cổ phần nắm giữ:

Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

+ Đại diện sở hữu: 1.000.000 *cổ phần của Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex)*

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có

20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

11.5. Sơ yếu lý lịch Phụ trách kế toán

❖ **ÔNG BÙI SỸ ÂN – Phụ trách kế toán**

1. Họ và tên: **BÙI SỸ ÂN**
2. Số CMND: 011799915 ngày cấp: 23/7/2007 nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính: Nam
4. Ngày sinh: 22 tháng 04 năm 1976
5. Nơi sinh: Hà Tĩnh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Đức Thọ - Hà Tĩnh
9. Địa chỉ thường trú: 415 - D3 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 3 5558156
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
13. Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
14. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ, nghề nghiệp
08/1998 - 04/2003	Công ty Xây dựng và PTNT 9 - Bộ NN&PTNT	Nhân viên kế toán
04/2003 – 01/2010	Ban QLDA Xi măng Cẩm Phả - TCty CP Vinaconex Công ty CP Xi măng Cẩm Phả - TCty CP Vinaconex	Chuyên viên kế toán T.BP Kế toán
01/2010 - nay	Công ty CP Vận tải Vinaconex	Phụ trách kế toán

15. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex
16. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
17. Số cổ phần nắm giữ:

    Trong đó: *+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

    + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

18. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
19. Các khoản nợ đối với công ty : Không có
20. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
21. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

12. Tài sản

Bảng 19A: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình		**216.304.436.551**	**1.692.362.569**	**214.612.073.982**
1	Phương tiện vận tải	216.244.654.426	1.666.522.999	214.578.131.427
2	Dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	59.782.125	25.839.570	33.942.555
Tài sản có định vô hình		**12.000.000**	**5.999.994**	**6.000.006**
1	TSCĐ vô hình	12.000.000	5.999.994	6.000.006
Tổng cộng		**216.316.436.551**	**1.698.362.563**	**214.618.073.988**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009

Bảng 19B: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/03/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình		**216.331.986.551**	**1.754.479.003**	**214.577.507.548**
1	Phương tiện vận tải	216.244.654.426	1.729.009.451	214.515.644.975
2	Dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	87.332.125	25.469.552	61.862.573
Tài sản có định vô hình		**12.000.000**	**7.833.327**	**4.166.673**
1	TSCĐ vô hình	12.000.000	7.833.327	4.166.673
Tổng cộng		**216.343.986.551**	**1.762.312.330**	**214.581.674.221**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch sản xuất và phát triển của công ty năm 2010

Năm 2010 là năm nền kinh tế thế giới đang dần hồi phục, đối với hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có những bước tiến đáng kể, Đại hội đồng cổ đông đã đề ra kế hoạch cho năm 2010. Cụ thể như sau:

Bảng 20: Chỉ tiêu kinh doanh năm 2010

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2010
I	**Tổng Doanh thu**	**Triệu đồng**	**142.931**
	Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	65.400
	Doanh thu vận chuyển Clinker	Triệu đồng	48.696
	Doanh thu vận tải biển quốc tế	Triệu đồng	41.876
	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	**Triệu đồng**	**7.913**
	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	**Triệu đồng**	**7.002**
	Nộp ngân sách nhà nước	**Triệu đồng**	**911.261**
	Cổ tức	**%**	**-**

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 của Công ty)

13.2. Chi tiết kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2010-2012 của Công ty như sau:

Bảng 21: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012 của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với T H 2009	Giá trị	% tăng giảm so với 2010	Giá trị	% tăng giảm so với 2011
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	90.561	210.000	131,9	215.000	2,38	330.000	76,74
Vốn điều lệ	Triệu đồng	90.071	200.000	122,1	200.000	0	300.000	50
Doanh thu thuần	Triệu đồng	67.302	142.931	112,4	285.537	99,77	419.190	46,81
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.112	7.002	231,5	15.228	117,5	25.640	107,8
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	%	3,14	4,90	56,01	5,33	8,87	6,11	14,63

Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	%	2,33	3,33	43,10	7,08	112,4	7,77	9,74
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Điều lệ (%)	%	2,35	3,50	49,31	7,61	117,5	8,55	12,35
Cổ tức	(%/mệnh giá)	-	-		7		8	

(Nguồn: Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch từ 2010 - 2012 của Công ty VINACONEX TRANS)

Dự kiến kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phương án tăng vốn điều lệ sẽ được Công ty xây dựng chi tiết và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

13.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Chiến lược của Công ty là tập trung vào đầu tư và khai thác tàu cung cấp Clinker cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả và từng bước mở rộng phát triển dịch vụ vận tải đường biển. Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung vào các hoạt động kinh doanh khác như đầu tư bất động sản và tài chính.

Kế hoạch doanh thu lợi nhuận của Công ty được dựa trên cơ sở các chương trình đầu tư và chiến lược trong 3 năm tới của Công ty, cụ thể như sau:

1. Chương trình đầu tư:

- Kế hoạch Năm 2010 đã ký hợp đồng mua 1 tàu trọng tải 15.000DWT với mức giá 110 triệu USD để tăng thêm năng lực cạnh tranh.
- Lập đề án tiếp tục đầu tư 1 tàu 15.000 DWT để tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, không đảm bảo an toàn kỹ thuật hiện nay (Nghiên cứu lập dự án 2011, thực hiện từ 2012).
- Từng bước tham gia đầu tư dự án bất động sản, tham gia liên kết đầu tư tài chính.

2. Chương trình phát hành tăng vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ thực góp hiện nay là 110 tỷ đồng, dự kiến phát hành tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng kế hoạch từ nay đến 2012, phương án phát hành chi tiết sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Mục đích: Nhu cầu đầu tư thêm tàu trọng tải lớn, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2010 Đại hội đồng cổ đông giao

- Tiến hành cân đối nguồn nhân lực và tài chính để nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí phù hợp với tình hình thực tế.

4. Tái cơ cấu mô hình tổ chức

- Tiến hành đánh giá mô hình tổ chức hiện tại để hoàn thiện, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu

phát triển của VINACONEX TRANS trong tương lai theo hướng tổ chức khoa học, nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng yêu cầu mở rộng kinh doanh của công ty trên hai mảng: xuất khẩu lao động và đầu tư cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

5. Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp

- Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quốc tế.
- Tiếp tục phân định rõ ràng nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc để tạo ra cơ chế làm việc năng động, hiệu quả và có tính trách nhiệm cao, minh bạch trong quá trình điều hành Công ty.
- Đẩy mạnh công tác công bố thông tin tới các cổ đông: tạo điều kiện để các cổ đông tiếp xúc, bày tỏ quan điểm, đóng góp các ý kiến cho sự phát triển của Công ty.
- Minh bạch hoá các hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

6. Kế hoạch tài chính của Công ty từ năm 2010 - 2012

- *Doanh thu:*
    - Phân phối xi măng & vận chuyển clinker: đây là 2 mảng doanh thu khá ổn định của công ty, dự kiến mỗi năm sẽ tăng khoảng 20% sản lượng;
    - Vận tải biển quốc tế: do Công ty đang tiến hành ký kết hợp đồng và dự kiến tàu Vinaconex lines sẽ được bắt đầu cho thuê định hạn từ cuối tháng 6/2010 nên doanh thu từ mảng kinh doanh này chỉ được dự kiến cho 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm và các năm sau sẽ không hoạt động tiếp;
    - Cho thuê tàu: doanh thu dự kiến cho mảng kinh doanh này được tính toán dựa trên việc tàu Vinaconex lines bắt đầu được cho thuê vào cuối tháng 6/2010, và trong Quý III/2010, một tàu mới mua về cũng sẽ được đi cho thuê. Trong năm 2012, công ty dự kiến cũng sẽ đầu tư mua thêm một tàu nữa và cho thuê.
- *Giá vốn hàng bán*: dự kiến nửa năm đầu 2010 sẽ bằng với tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu của năm 2009. Tuy nhiên, kể từ nửa cuối năm 2010 trở đi, do các tàu được mang đi cho thuê nên tỷ trọng này sẽ giảm.
- *Chi phí lãi vay*: đây là mảng chi phí chiếm tỷ trọng lớn của công ty, do đặc thù của ngành vận tải biển là phải đi vay để mua tàu. Dự kiến chi phí lãi vay sẽ tăng dần theo từng năm do việc đầu tư mua mới thêm tàu. Việc này cũng làm ảnh hưởng khá lớn đến lợi nhuận trước thuế của công ty.
- *Thuế thu nhập*: 25% theo quy định hiện hành.

- *Vốn điều lệ*: dự kiến giữ nguyên trong năm 2010 – 2011, tuy nhiên trong năm nay, khi thực hiện mua con tàu thứ hai, các cổ đông sẽ tiến hành góp nốt số vốn còn lại. Dự kiến năm 2012 tăng lên 300 tỷ, phục vụ cho việc đầu tư thêm một tàu.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SMES) đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty VINACONEX TRANS. Đồng thời, dựa trên năng lực hoạt động của VINACONEX TRANS và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành, SMES nhận thấy:

- Ngành Vận tải Biển là thị trường tiềm năng và là ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam trong những năm tới.
- Công ty thường xuyên tìm ra giải pháp về chất lượng, giải pháp về thị trường, giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực và thực hiện thành công công tác nâng cao chất lượng lao động, duy trì mở rộng các thị trường cũ, tìm kiếm và khai thác các thị trường mới.
- Chất lượng dịch vụ vận tải biển của Công ty ngày càng được nâng cao.
- Việc mở rộng kinh doanh sang nhiều lĩnh vực mới (phát triển đa ngành, đa nghề) của Công ty phù hợp với xu hướng phát triển chung hiện nay, đảm bảo sự phát triển cân đối, ổn định và bền vững của Công ty trong những năm tới.
- Kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên các nghiên cứu, khảo sát chi tiết về thị trường cũng như những đánh giá đúng mức về năng lực hiện có của Công ty. Do đó, kế hoạch này có tính khả thi cao. Tuy nhiên, Công ty cũng cần phải tập trung vào các biện pháp thực hiện vì đây chính là điều kiện đủ để đảm bảo rằng kế hoạch kinh doanh sẽ được triển khai một cách hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty.
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là ổn định và hợp lý, đảm bảo cân đối giữa tỷ lệ lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư, tỷ lệ trích lập quỹ và tỷ lệ trả cổ tức nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong tương lai.
- Các chỉ số tài chính cơ bản của Công ty nhìn chung là ổn định, trong đó nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời đang tăng đều qua 3 năm gần nhất. Do đó, trong điều kiện bình thường, không có những biến động mạnh và bất thường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là hoàn toàn khả thi. Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

  Tuy nhiên Công ty cũng gặp phải những khó khăn sau:

  - Biến động trong chi phí nhiên liệu
  - Các kế hoạch đầu tư với nguồn vốn lớn sẽ phụ thuộc nhiều vào việc huy động vốn (thông qua hình thức phát hành hoặc vay ngân hàng)

- Hiện tại, Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển Clinker và phân phối xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả nên doanh thu phụ thuộc nhiều vào các hợp đồng với Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

CHƯƠNG V:
CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

11.007.183 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

- Số lượng chứng khoán của cổ đông sáng lập: 9.007.183 cổ phiếu. Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11, cổ đông sáng lập của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần đang sở hữu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được đăng ký kinh doanh lần đầu. VINACONEX TRANS được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/02/2008. Như vậy, số lượng chứng khoán này bị hạn chế chuyển nhượng đến 20/02/2011.

STT	Tên cổ đông	Số GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1	Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	1.000.000
2	Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Vĩnh Phước	0200410331	Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	1.000.000
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	0103015182	Tầng 3-4 39A Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	500.000
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	0106000160	Số 2 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.000.000
5	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	2203001338	Địa chỉ: Km6 - Quốc lộ 18A Cẩm Thạch - Cẩm Phả - Quảng Ninh	5.507.183
Tổng cộng				**9.007.183**

- Số lượng cổ phiếu sở hữu của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời điểm ngày 27/05/2010 là 197.500 cổ phần, tương ứng với 1,79% vốn điều lệ thực góp.

STT	Tên cổ đông	Số CMTND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1	Nguyễn Thái Hà	111897475	R1 Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	64.900
2	Hoàng Anh Tuấn	012661791	Số 156, tổ 34 Khương Thượng, phường Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	50.000
3	Nguyễn Kim Phụng	023989740	Số 95 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, quận 1, TP.HCM	50.000
4	Phan Huy Chí	011897895	Số 168, tổ 94 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	10.000
5	Phạm Ngọc Bình	011932347	32 Hàn Thuyên, Hà Nội	22.600
Tổng cộng				**197.500**

Theo quy định tại Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007, các cổ đông này phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên kể từ ngày cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra các cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGĐ của Công ty còn là đại diện quản lý phần vốn của các tổ chức tổng số lượng cổ phần 8.007.183 cổ phần, toàn bộ số cổ phần này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

5. Giá trị sổ sách của cổ phần

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành - cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 31/12/2008:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{22.085.735.401}{2.307.183} = 9.572 \text{ đồng}$$

Tại thời điểm 31/12/2009:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{90.566.887.149}{9.007.183} = 10.055 \text{ đồng}$$

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009)

Tại thời điểm 31/03/2010:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{112.068.169.978}{11.007.183} = 10.181 \text{ đồng}$$

(Nguồn: Báo cáo tài chính Quý I/2010)

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các nhà đầu tư Tổ chức và cá nhân nước ngoài được đăng ký và nắm giữ cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1/6/2009, thay thế Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên TTCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty đại chúng, tỷ lệ nắm giữ đối với trái phiếu do tổ chức phát hành quy định.

Tại thời điểm 27/05/2010, số lượng cổ phiếu do người nước ngoài nắm giữ là: 0 cổ phiếu, chiếm 0% trên tổng vốn điều lệ.

7. Các loại thuế có liên quan

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*: Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không được hưởng ưu đãi về miễm giảm thuế. Năm 2009 Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 311.458.736 đồng tuy nhiên đến hiện tại Công ty vẫn chưa nộp do được chậm nộp theo chính sách của nhà nước, Công ty cam kết đến thời hạn phải nộp thuế Công ty sẽ hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước.
- *Thuế giá trị gia tăng*: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu lao động; 5% đối với hoạt động du lịch và 10% đối với các sản phẩm hàng hóa.
- *Các loại thuế khác:* Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.
- *Các chính sách về ưu đãi thuế:* Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó Công ty được hưởng ưu đãi về miễn, giảm, gia hạn nộp thuế TNDN theo chủ trương kích cầu, Năm 2009 Công ty được giảm tổng số tiền **133.482.316**.

CHƯƠNG VI:
CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SME Securities)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 3-4, số 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 22205678 Fax: (84.4) 22205680

Email: smehn@smes.vn website: www.smes.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 11 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, TP.HCMs

Điện thoại: (84-8) 3914 7388/ 3914 7389 Fax: (84-8) 3914 7390

Email: smehcm@smes.vn

3. Tổ chức kiểm toán

Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (CPA Hà Nội)

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, Ngõ 165, Quận Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 6267 0491 Fax: (84.8) 6267 0494

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex

Phụ lục 2: Điều lệ Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009

Phụ lục 4: Các tài liệu khác

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VINACONEX

CHỦ TỊCH HĐQT	TỔNG GIÁM ĐỐC
HOÀNG ANH TUẤN	**NGUYỄN THÁI HÀ**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**
PHẠM NHƯ HÀ	**BÙI SỸ ÂN**